

CHƯƠNG III

GIAO THOA, TIẾP BIẾN VIỆT-CHĂM, CHĂM-VIỆT TRONG VĂN HỌC DÂN GIAN

Việt Nam là dân tộc đa văn hóa, bao gồm 54 dân tộc anh em cùng chung sống trên dải đất hình chữ S, trong đó mỗi dân tộc đều có nền văn học dân gian đặc trưng riêng của mình, góp phần vào hình thành nền văn hóa Việt Nam phong phú và đa dạng. Hiện nay, với tinh thần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, mỗi dân tộc anh em đều phát huy vai trò, chức năng của văn học dân gian trong kho tàng văn hóa dân gian của mình, để giữ gìn, bảo lưu, phát huy và phát triển các thành tố văn hóa dân gian phù hợp trong xây dựng đời sống hiện nay. “Văn học dân gian là một bộ phận trong văn hóa dân gian là những sáng tác bằng *ngôn từ nghệ thuật và những ngôn từ được sử dụng một cách nghệ thuật* (từ cấp độ sơ khai – tiền nghệ thuật – đến hoàn chỉnh. Những sáng tác này được sáng tác và lưu truyền miệng, gắn với diễn xuất/điển xướng/biểu diễn của người sáng tạo – lưu truyền, một bộ phận rất lớn đã được các nhà sưu tầm ghi chép/định bản bằng văn tự và chuyển sang một hình thức lưu truyền mới giống như văn học viết, tuy nhiên *truyền miệng vẫn tồn tại với tư cách là phương thức cơ bản, không thay thế được của văn học dân gian*”. [1] Chính vì truyền miệng cho nên văn học dân gian mang tính cộng đồng và truyền đi từ xứ này sang xứ khác, theo thời gian và không gian lịch sử, nên văn học dân gian phần nào có ảnh hưởng lẫn nhau giữa các dân tộc là quy luật của sự phát triển. Và chính yếu tố truyền miệng, tạo điều kiện cho sự giao lưu văn hóa giữa các miền, lãnh thổ trước hết có thể nhìn nhận” môi giao lưu văn hóa Đông Sơn ở phía Bắc và văn hóa Sa Huỳnh ở phía Nam trên đất nước ta. Đây là hai nền văn hóa phát triển độc lập nhưng cùng thời. Người Đông Sơn đã tiếp thu văn hóa Sa Huỳnh. Một trong những chứng cứ là các nhà khảo cổ học đã phát hiện khuyên tai ba múi và khuyên tai hai đầu thú (dấu

¹ Xem: *Một số vấn đề cơ bản về văn học dân gian*, PGS. TS. Nguyễn Xuân Đức trong *Tài liệu tập huấn nâng cao chất lượng sưu tầm, nghiên cứu văn hóa văn nghệ dân gian*, Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam, DakLak, 2012.

hiệu của văn hóa Sa Huỳnh)”. [2] Theo đó, văn học dân gian có sự tiếp biến lẫn nhau giữa các nền văn hóa. Xét về mặt nội dung văn hóa dân gian các dân tộc đều thể hiện đủ các chức năng: giáo dục, thẩm mỹ, phản ánh và chức năng giải trí tức văn nghệ trong văn hóa dân gian. Hiện thực cuộc sống của nhân dân được văn học dân gian phản ánh một cách sâu sắc, đầy tinh thần nhân văn cao cả, thiện – ác phân minh, hiền – dữ rạch ròi,... Trong bối cảnh chung của sự giao lưu, tiếp biến giữa hai nền văn hóa Đông Sơn và Sa Huỳnh, văn hóa dân gian chịu sự ảnh hưởng qua lại nhau là sự tất yếu. Trong lúc truyền nhau để giao thoa, tiếp biến, văn học dân gian biến đổi để phù hợp với đời sống tại mỗi vùng cư trú. Cho nên một qui luật tất yếu là các dân tộc phải chịu sự ảnh hưởng qua lại lẫn nhau, không chỉ trong lĩnh vực kinh tế mà cả trên các lĩnh vực khác thuộc đời sống xã hội con người: chính trị, văn hóa, triết học, luật pháp, tôn giáo, tín ngưỡng,... Do đó, muốn hiểu thấu đáo toàn diện nền văn học dân gian dân tộc, chúng tôi không thể không tìm hiểu mối quan hệ giữa các nền văn học dân gian của nhau. Ở đó chắc chắn có sự gặp nhau cho – nhận, đặc biệt văn học dân gian người Chăm với văn học dân gian người Việt miền Trung, bởi đã có sự cộng cư sinh sống và phát triển trong cùng một vùng đất miền Trung Việt Nam, muộn nhất cũng từ 1471 đến nay. Trong trường hợp này chúng tôi so sánh, đối chiếu để tìm hiểu sự tiếp biến, mối quan hệ, giao thoa nhau trong văn học dân gian giữa người Việt miền Trung và người Chăm trên vùng đất miền Trung Việt Nam.

I. Các thể loại văn học dân gian Chăm

1.1. Tục ngữ

Tục ngữ là những kinh nghiệm sống của con người, thông qua lao động và cùng với lao động, con người đúc rút kinh nghiệm và thể

² Xem: *Vấn đề hội nhập quốc tế về văn hóa ở Việt Nam*, GS. TS. Nguyễn Xuân Kính trong *Tài liệu tập huấn nâng cao chất lượng sưu tầm, nghiên cứu văn hóa văn nghệ dân gian*, Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam, DakLak, 2012.

hiện ngắn gọn bằng một ngữ trong cấu trúc văn tự, bằng: danh danh, danh động hoặc danh tính hoàn chỉnh về cú pháp nhằm cung cấp một nhận xét, một kinh nghiệm thông qua lao động có khi vài ba mươi năm mới đúc rút thành tục ngữ được.

Tục là thói quen xã hội được lặp đi lặp lại lâu đời và phổ biến trong cộng đồng, được mọi người công nhận, *ngữ* là lời nói.

Như vậy, tục ngữ là loại hình gắn với lời ăn tiếng nói hằng ngày của con người. Trong tục ngữ có câu có vần (vần lưng, vần vòng), nhịp (nhịp hai), có hình ảnh (dụng cụ trong nông nghiệp, con người,...), mặc dầu chúng tồn tại trong câu nói ngắn gọn.

Tục ngữ là những kinh nghiệm sống, kinh nghiệm trí khôn trong lao động sản xuất mà con người đạt hiệu quả giáo dục khi phổ biến trong cộng đồng. Đây cũng là chức năng của tục ngữ. Tục ngữ người Chăm cũng vậy, đúc kết kinh nghiệm sống của người Chăm về tự nhiên, xã hội, trong sinh hoạt gia đình và cộng đồng. Trong sinh hoạt thường ngày tục ngữ dùng để nói, chuyển tải thông tin đến người nghe, do đó tục ngữ thường ngắn chỉ là một đoạn ngữ nên giá trị thông báo của tục ngữ là rất lớn. Điều này do ngôn ngữ tạo nên, khi tín hiệu xuất hiện ngắn, gọn, súc tích và hoàn chỉnh một thông báo, theo đó giá trị biểu đạt về nghĩa (chỉ một nghĩa) của thông báo sẽ tăng lên gấp nhiều lần. Ví dụ, nói: *gần mực thì đen gần đèn thì sáng*, giá trị sẽ được nâng lên thành nhiều trường ngữ nghĩa khác nhau.

Và vì sự giản lược của tục ngữ, nên trong lời ăn tiếng nói thường ngày, con người sử dụng chúng như một tín hiệu để răn dạy, truyền kinh nghiệm cho người đời sau bất cứ trong hoàn cảnh nào, trong thời gian và không gian phù hợp. Tuy nhiên đặc điểm dễ nhìn nhận rằng, do tính giản lược thành đoạn ngữ nên quá trình sử dụng tục ngữ đôi khi mất đi ngữ cảnh làm cho tục ngữ khó hiểu, khó giải mã một câu tục ngữ khi ngữ cảnh đã được giấu kín chỉ còn là sự vận dụng. Tục ngữ người Việt và người Chăm cũng được sử dụng như vậy.

Đến nay việc sưu tầm, ghi chép lại kho tàng tục ngữ được các nhà nghiên cứu sưu, tầm văn học dân gian ghi chép lại với số lượng đáng kể. Tục ngữ Việt hay Chăm cũng vậy. Tuy nhiên đối với phần văn học dân gian người Chăm, về tục ngữ, câu đố, ca dao,...ít được chú ý sưu tầm, nghiên cứu. Trong sách “Văn học Chăm”, tác giả Inrasara cho rằng: “...Từ một thế kỷ nay, người Chăm và văn hóa – văn minh Chăm-pa đã được các học giả trong và ngoài nước chú ý nghiên cứu. Một số lượng đáng kể các bài viết, các chuyên khảo hay các công trình có tính tổng hợp về văn minh Chăm-pa đã ra đời. Nhưng văn học Chăm nói chung đã không tìm được chỗ đứng xứng đáng với tầm vóc của nó. Tục ngữ, câu đố, ca dao,...lại càng ít được chú ý hơn”.

Tục ngữ Chăm có thể chia thành ba nhóm:

- Một là: xuất phát từ người lao động và do nhân dân lao động Chăm sáng tạo nên từ những kinh nghiệm trong lao động sản xuất, trong đấu tranh với tự nhiên, địch họa hoặc trong ứng xử xã hội.

- Hai là: những câu tục ngữ có nguồn gốc từ những thể loại khác, nhiều câu tục ngữ Chăm có nguồn gốc từ những tác phẩm trường ca cổ nổi tiếng, như: Ariya/trường ca Glong Anak, Pauh Catwai, **Dauh Toy loy...**

- Ba là: đặc biệt có một bộ phận tục ngữ Chăm chịu ảnh hưởng sâu sắc tục ngữ người Việt.

Điều này chứng tỏ khi dân tộc Chăm cùng chung sống trong đại gia đình dân tộc Việt, người Chăm đã tiếp biến hoặc người Việt chuyển dịch về mặt nghĩa, một số câu tục ngữ của người Việt – Chăm sang lời ăn tiếng nói của mình để làm phong phú thêm lời ăn tiếng nói hằng ngày của nhân dân và đồng thời gia nhập vào kho tàng tục ngữ người Việt – Chăm làm cho tục ngữ của cộng đồng các dân tộc Việt Nam thêm phong phú.

Qua khảo sát, đối chiếu 366 câu tục ngữ người Chăm trong tác phẩm “*Ca dao, tục ngữ, thành ngữ, câu đố Chăm*” [3] của tác giả Inrasara, với kho tàng tục ngữ người Việt và 135 đơn vị tục ngữ người Việt miền Trung tại tỉnh Khánh Hòa [4], 107 đơn vị tục ngữ Thừa Thiên – Huế trong tác phẩm “*Đặc khảo văn học dân gian Thừa Thiên – Huế*” [5], so sánh, đối chiếu về ngữ nghĩa, hình ảnh, chúng tôi rút ra được sự tương đồng, giao lưu, tiếp biến giữa tục ngữ người Việt và người Chăm. Điều này biểu hiện những kinh nghiệm có được trải qua một thời gian dài, thông qua lao động và các hoạt động, quan hệ thực tiễn khác, người Việt miền Trung và người Chăm đã góp phần làm tăng thêm giá trị kho tàng tục ngữ của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

Những câu tục ngữ quen thuộc của người Việt:

- *Muru sự tại nhân, thành sự tại thiên*

- *Có công mài sắt, có ngày nên kim*

Đã chuyển thành tục ngữ người Chăm:

- *Kuhria bruk pak khaul ita, kaywa Debita mung jiong.*

- *Hu prun thah pathei, hu harei jiong jarum*

Có một số câu tục ngữ rất gần gũi trong cách nhìn, cách nhận thức đời sống, như người Việt có câu:

- *Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng.*

Thì người Chăm cũng có câu:

- *Ngap krun saung urang siam bbak siam*

Ngap krun saung urang blok bbak blok

- *Làm quen với người tốt hóa tốt.*

Làm quen với người xấu hóa xấu.

Người Việt có:

- *Gần mực thì đen/Gần đèn thì sáng*

³ *Ca dao, tục ngữ, thành ngữ, câu đố*, Inrasara, NXB. VHDT, 2008.

⁴ *Lịch sử Việt Nam trong tục ngữ, ca dao*, Hội VNDG Việt Nam, Nguyễn Nghĩa Dân, NXB. ĐHQG Hà Nội, 2010.

⁵ *Đặc khảo văn học dân gian Thừa Thiên – Huế*, Hội VNDG Việt Nam, Lê Văn Chương, NXB. VHHT. 2012.

- Ở bầu thì tròn/Ở ống thì dài.

Hoặc:

- Gieo cây nào gặt cây ấy/Gieo gió gặt bão.

Thì người Chăm có:

- *Pala tangoy paik tangoy*

Pala rabai paik rabai.

- *Trồng ngô thì bẻ ngô, trồng đậu thì hái đậu.*

Sự gặp gỡ này khó quyết đoán được rằng, người Chăm tiếp biến từ tục ngữ người Việt hay ngược lại. Mà có thể nhìn nhận rằng, đây là tư duy, nhận thức thực tiễn chung của những con người có cùng một lối nhìn, cùng sinh sống, giao thoa và ảnh hưởng văn hóa của nhau; đồng thời cùng tồn tại trên vùng đất có các điều kiện tự nhiên về môi trường địa lý giống nhau.

Trong quan hệ sinh hoạt gia đình, hình thành lối sống, nếp sống, của người phụ nữ, hoặc con cái trong nhà, người Việt có câu tục ngữ đúc kết kinh nghiệm qua quan sát hằng ngày mới có:

- *Ngó vô bếp lửa lem hem*

Con chị thế nó, con em thế nào.

Thì người Chăm có câu:

- *Takruu thou ka amaik glong di anuk*

Takruu thou ka pō glong di halun

Muốn biết chủ hãy nhìn vào tôi tớ

Muốn hiểu người mẹ hãy xem xét bầy con.

Điều này cho biết rằng, nhiều kinh nghiệm được đúc kết thông qua thực tiễn luôn là bài học sinh động, có giá trị giáo dục nền nếp, lối sống cho con cháu đời sau. Hoặc chúng ta có thể tìm hiểu sự giao thoa, tiếp biến sau đây theo cách nghĩ của người Việt:

- *Cái nét đánh chết cái đẹp.*

Thì người Chăm lại có:

- *Siam binai kamrlai dauk dalam*

Jhak binai hatai you muh

*Đẹp người nhưng tâm lại là tâm quý
Thân hình xấu xí nhưng được quý ở tấm lòng vàng.*

Người Việt có câu tục ngữ theo ý nghĩa này:

*- Tốt gỗ hơn tốt nước sơn,
Xấu người đẹp nết còn hơn đẹp người.*

Theo cách nghĩ như vậy, bài học đạo đức luôn được đề cao, người Việt miền Trung thường có thái độ dứt khoát, “ăn cục nói hòn”, “ăn to nói lớn”, ăn sóng nói gió” thì vẫn có thái độ “ăn ngay nói thẳng” nghĩa là trực tính theo cách của người miền Trung. Ta có câu tục ngữ của người Việt:

- Ăn ngay nói thẳng.

thì người Chăm trong hoàn cảnh như trên, có câu mang tinh thần ngữ nghĩa như câu tục ngữ người xứ Quảng:

*- Bbong twei tapak, hwak twei haniim.
Ăn theo đường ngay, nói (ăn cơm) theo nẻo phúc.*

hoặc người Việt có:

- Ở hiền gặp lành.

thì người Chăm có sự tương đồng về nghĩa:

*- Bbong twei patauk, dauk twei gila.
Ăn theo tính khờ, ở theo nết dại.*

Trong giao lưu, tiếp biến nhau giữa người Việt miền Trung và người Chăm, ta còn gặp quan niệm cưới vợ gả chồng có giao thoa nhau, mặc dầu người Chăm đến nay vẫn còn giữ quan hệ mẫu hệ trong hôn nhân gia đình, nhưng qua câu tục ngữ cho biết phần nào sự giao thoa, tiếp biến không chỉ trong lao động sản xuất mà cả trong đấu tranh lựa chọn vợ chồng. Điều này người Chăm thể hiện quan niệm như người Việt, qua câu:

Người Việt có câu biểu hiện thái độ trong hôn nhân:
- Rào thưa hơn bỏ trống.

- Lấy vợ chọn tông
Lấy chồng chọn giống.

thì người Chăm cũng thể hiện quan niệm theo cách lựa chọn này:

- *Kajap paga ywa talei.*

Rào chắc nhờ đây.

- **Muyah** khing kamei, rwah phun pajaih.

Nếu có lấy vợ thì hãy lựa giống dòng.

Trong ý thức nhớ về nguồn cội, có thể là nơi chôn nhau cắt rốn, nơi từ đó dòng tộc phát tích ra đi, nơi hình thành cội nguồn dân tộc, người Việt có câu tục ngữ thể hiện tinh thần “uống nước nhớ nguồn”:

- *Uống nước nhớ nguồn.*

- *Ăn quả nhớ kẻ trồng cây.*

thì người Chăm cũng có câu tục ngữ thể hiện tinh thần này:

- *Ia hu halou, kayou hu agha*

Nước có nguồn cây có cội.

- *Munhum ia dor haluw*

Uống nước nhớ nguồn.

- *Bbong bauh **kayou** dor munwis pala*

Ăn trái nhớ kẻ trồng (cây).

Tương đồng về mặt ngữ nghĩa “cây có cội, nước có nguồn”, ta tìm thấy ở kho tàng tục ngữ người Chăm, câu:

- *Amaik pak halei, anuk **pak** nan.*

Mẹ đâu con đấy.

hoặc:

- *Adat kayuw phun **hapak** jruh tak nan.*

Lệ của lá là gốc ở đâu thì rụng ở đấy.

Nghĩa này trong tục ngữ người Việt, có câu:

- *Lá rụng về cội.*

- *Cây có cội nước có nguồn.*

Tinh thần đoàn kết của các dân tộc anh em Việt Nam đã hình thành lâu đời trong lịch sử dân tộc, điều này thể hiện và được phản ánh trong tục ngữ người Việt và người Chăm,...Người Việt có câu:

- *Nhiều điều phủ lấy giá gương,*

Người trong một nước phải thương nhau cùng.

hoặc:

*- Bầu ơi thương lấy bí cùng,
Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.*

hay:

- Một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ.

thì người Chăm lại có:

*- Anuk sa paran you adei sa-ai sa tian
Con dân một nước như anh em một nhà.*

Trong quan hệ tha nhân, bạn bè, láng giềng, hoặc quan hệ kẻ trên, người dưới, bài học răn dạy thực hiện mối quan hệ giữa người với người luôn được đề cao và xuất hiện trong hoàn cảnh nói năng với bà con hàng xóm láng giềng, người Việt có câu nhắc nhở:

- Vuốt mặt chừa mũi.

thì người Chăm trong trường hợp tương đồng cũng có loại tục ngữ này trong lời ăn tiếng nói của họ:

*- Papai bbauh gauk murta
Rửa mặt chạm mắt.*

Răn dạy con cái trong quan hệ gia đình, dòng tộc, người Việt thường mượn câu tục ngữ sau đây, thông báo một tín hiệu nhằm nhắc nhở các thành viên chú ý đến tôn ti trật tự trong gia đình, dòng tộc, hoặc biểu hiện thái độ, tính tình, tính cách và suy rộng ra cả trong quan hệ xã hội cũng phải biết trước sau, trên dưới, thứ bậc mà mình cần ứng xử cho đúng:

- Bàn tay có ngón ngắn ngón dài.

thì người Chăm lại có:

*- Palak tangin hu inur chadieng, inur canou
Bàn tay có ngón út, ngón cái.*

Điều này cho biết có sự giao thoa, tiếp biến nhau trong mối quan hệ qua lại trên địa bàn cư trú và xuất phát từ sự răn dạy đạo đức chung của con người trong nền tảng văn hóa dân gian Đông Nam Á.

Trong cuộc sống, thường có điều hay lẽ phải, nhưng không ít những thói hư tật xấu, những buồn phiền bu bám, đeo đuổi theo mỗi con người. Thời gian thảnh thơi hay vui tươi hạnh phúc thường tồn tại cùng năm tháng đời người nhưng cũng thường ngắn đoạn. Sự thảnh thơi không liên tục, không kéo dài nhưng ngược lại (có thể) trong cuộc sống, nỗi buồn, điều phiền muộn thường ngự trị tâm hồn mỗi người dai dẳng và thường xuyên. Con người ta cảm thấy giàu có, sung sướng và hạnh phúc là rất ít trong một đời người, nhưng lại đón nhận khổ đau trong bệnh tật, túng thiếu với cơm, áo, gạo, tiền là điều thường xuyên cả một đời người. Lại thêm, trong cuộc sống nỗi phiền muộn còn thể hiện thái độ sống, đôi khi thể hiện sự hèn hạ. Người Việt có câu tục ngữ:

- *Vào luôn ra cúi.*

làm cho ta liên tưởng đến câu thơ nguyên Du: “Vào luôn ra cúi công hầu mà chi” đã trở thành dân gian hóa, và trong trường hợp biểu hiện thái độ, lối sống chỉ biết lùn cúi, người Chăm cũng có câu phản ánh thái độ như thế:

- *Tamur kuk tabiak lwak*

Vào luôn ra cúi.

Hoặc phê phán thái độ thờ ơ, bỏ bê công việc, thể hiện nhân sinh quan trong cuộc sống, trong công việc chung của tập thể, gia đình hay dòng tộc, người Việt thông qua cuộc sống thực tiễn có câu tục ngữ, rằng:

- *Không chó bắt mèo ăn cứt.*

thì trong kho tàng tục ngữ người Chăm, giao thoa với nghĩa này, có câu:

- *O hu asou muk myyaw bbong aih*

Không có chó bắt mèo ăn cứt.

Trong lao động sản xuất, phát huy tinh thần tự lực cánh sinh của mỗi người trong cộng đồng gia đình, làng xóm hay trong một tập thể, trường hợp gặp phải khó khăn, nghèo ngặt, các thành viên thường giúp đỡ nhau theo quan niệm: *nhiều điều phải lấy giá gương*,...nhưng để giữ được cuộc sống lâu dài thì phải vận động nhau phát huy cá tính sáng tạo trong lao động sản xuất, làm ra của cải vật chất nuôi sống bản thân mình. Người Việt có câu tục ngữ nhắc nhở và khẳng định:

- *Có làm có ăn.*
- *Không làm không ăn/thì nhin.*

hoặc:

- *Ai làm nấy ăn.*

thì người Chăm lại có:

- *Hu ngap ka mung hu si bbong*
Có làm mới có ăn.

Trong quan hệ gia đình dòng tộc, người Việt có câu:

- *Một người làm quan cả họ được nhờ.*

thì người Chăm cũng có câu tục ngữ tương đồng về mặt nghĩa biểu đạt:

- *Gop ngap kwan patian hu si nhor*
Bà con làm quan họ hàng được nhờ.

Chúng ta có thể tìm thấy sự tương quan về mặt ý nghĩa của những câu tục ngữ răn dạy, đúc rút kinh nghiệm qua nhiều thời kỳ lịch sử của hai dân tộc Việt – Chăm để có thể tìm thấy quá trình giao lưu, tiếp biến giữa nhau, làm phong phú kho tàng tục ngữ Việt Nam:

Người Việt có câu tục ngữ răn dạy con người:

- *Khôn cho người ta vái, dại cho người ta thương.*

Người Chăm cũng có sự tương đồng:

- *Jak patruh urang taka, gila patruh urang nit.*
Khôn cho người vái, dại cho người thương.

hoặc, người Việt có câu:

- *Dao có mài mới sắc.*
- *Mài sắt nên kim.*
- *Ngọc kia chẳng dũa chẳng mài,*
Cũng thành vô dụng cũng hoài ngọc đi.

thì người Chăm lại có:

- *Ajaung halwok kaywa thah, murwis hadah kaywa murgru*
Rùi có mài mới sắc, người có học mới khôn.

Qua khảo sát và đối chiếu về nghĩa, vần, nhịp điệu tục ngữ giữa người Việt miền Trung và người Chăm, chúng ta còn gặp nhiều câu tục ngữ có sự tương đồng hoặc giao thoa thiếp biến lẫn nhau trong quá trình thể hiện trí khôn của con người, cộng đồng trong sinh sống và phát triển. Ta gặp các câu tục ngữ sau đây giao thoa nhau giữa người Việt với người người Chăm (trình bày: câu trên người Việt, câu dưới người Chăm):

- *Máu chảy ruột mềm.*
- *Darah thei tanhjauh thei padik.*
Máu ai đổ nấy xót.

- *Bứt dây động rừng.*
- *Ruc haraik murgei rom*
Bứt dây động rừng.

- *Khó người khó ta.*
- *Kan urang kan drei*
Khó người khó ta.

- Dễ người dễ ta.
- Bbwon urang bbwon drei
Dễ người dễ ta.

- Giận chấy đốt áo.
- Ginaung di katuw cuh aw.
Giận chấy đốt áo.

- Trèo cao té nặng.
- Caung glaung laik bier.
Ước cao rơi thấp.

- Giấu đầu lòi đuôi.
- Ppadop akauk bblauw iku.
Giấu đầu lòi đuôi.

- Ít xít ra nhiều.
- Takik rik ka ralo.
Ít xít cho nhiều.

- Xuống sông mới biết sông sâu.
Thức đêm mới biết đêm dài.
- Nau dalam ia mung thuw ia dalam.
Đi trong nước mới biết nước sâu.

- Tiền đẻ ra tiền.
- Jien muruk tabiak jien.
Tiền đẻ ra tiền.

- Cửa không ngon đông con cũng hết.
- Pabah bbong jaloh **cok jaloh** cor.
Miệng ăn lở núi lở non.

- Ai chửi nấy nghe.
Ai đại nấy chết.
Ai biết nấy khôn.
Ai làm nấy hưởng.
- Thei pwoe urang nan pong.
Ai chửi thì nấy nghe.

- Nói trước bước không khỏi.
- Đom dahluw **asou** bboh.
Nói trước thì chỉ chó thấy được.

- Nói có sách mách có chứng.
- Đom hu tapuk, duk hu tal.
Nói có sách, so có kinh.

- Nói thật mắt lòng.
- Panwoe **tapak** trak tian.

- Cha nào con nấy.
Thầy nào trò nấy.
- Amur halei anuk nan.
Cha nào con nấy.

- Ác lai ác báo.
- Ia pabah drei taprah nhjop drei.
Nước miếng mình lại văng trúng mình.

- Cười người hôm trước hôm sau người cười.
- Klau ka urang, bboh drei.
Cười cho người, thấy hiện nơi mình.

- Nồi nào vung nấy.
- Gauk halei tuk nan.

Nôi nào vung nấy.

- *Mía sâu có đốt nhà dột có nơi.*

- *Tabuw bruk hu tuk.*

Mía sâu có đốt.

- *Ở hiền gặp lành.*

- *Dauk nhjop bboh nhjop.*

Ăn ở thành thật thì gặp những điều hay.

- *Của ai người ấy giữ.*

Duyên ai phận nấy.

- *Drop thei mai ka thei.*

Của ai về với người nấy.

- *Phân ai nấy hưởng.*

- *Nok thei thei tok.*

Phân ai nấy hưởng.

- *Giống nào cây nấy.*

Thầy nào trò nấy.

Cha nào con nấy.

- *Pajaih halei phun nan.*

Giống nào cây nấy.

- *Thuốc đắng giả tật.*

- *Khing ka diip bbong bbrai.*

Muốn sống thì uống thuốc đắng.

- *Chết rày sống mai.*

- *Diip harei ni, mutai harei paguh.*

Sống bữa nay, chết bữa mai.

- *Sống ngày nào hay ngày nấy.*
- *Diip harei halei thuw harei nan.*
Sống ngày nào hay ngày nấy.

- *Người chết hết nợ.*
- *Murtai klauh thrai.*
Chết hết nợ.

- *Chết trước được mồ mả.*
- *Murtai dahluw luc hadei.*
Chết trước thì khỏi chết sau.

- *Đánh chó hổ mặt chủ nhà.*
- *Ataung asuw murluw ppo.*
Đánh chó thì hổ chủ.

- *Vừa mắt ta mới ra mắt người.*
- *Gap urang gap drei.*
Vừa ta vừa mình.

- *Đèn nhà ai nấy sáng.*
- *Sang thei thei thuw.*
Nhà ai nấy biết.

- *Hòn ai nấy giữ.*
Chuyện ai nấy biết.
Việc ai nấy lo.
- *Yaut thei thei guy.*
Gùi ai nấy mang.

- *Suy bụng ta ra bụng người.*
- *Xanung tung urang tung drei.*
Nghĩ bụng ta, so bụng người.

- Có ta có mình.
- Hu urang hu drei.
Có mình có ta.

- Cháy như lửa rơm.
- Apwei pong padom drah.
Lửa rơm mau tắt.

- Thùng rỗng kêu to.
- Ia mutuh ia tabblak.
Nước lưng thùng thì thường sóng sánh.

- Có mới nới cũ.
- Bboh biruw wor klak.
Thấy mới quên cũ.

- Lạc ngõ theo trâu, lạc nhà theo chó.
- Mihu ia twei kabaw, wor jalan nau twei asuw.
Khát nước theo trâu, quên đường theo chó.

- Mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên.
- Kuhria bruk pak khaul ita, kaywa Debita mung jiong.
Tính chuyện bởi chúng ta, thành chuyện bởi thượng đế.

-Trời kêu ai nấy dạ.
- Ppo ppadauk pak halei thuw pak nan.
Trời định đâu hay đấy.

- Ròng đi vết hầy còn.
- Ikan klah kakah dauk gơm.
Cá sảy nhưng vảy còn lưu.

- *Con sấu làm rầu nồi canh.*
- *Ikan bruk ngap muluk ikan siam.*
- Một con cá thối làm rối cá lành.*
- Một con cá wơn làm thối luôn cả rổ cá.*

1.2. Câu đố

Câu đố người Việt và người Chăm có thể tìm thấy trong dân gian sử dụng nhiều dạng thể khác nhau. Qua khảo sát phần II.3 *Panwoc padau – câu đố* trong tác phẩm "*Ca dao, tục ngữ, thành ngữ, câu đố Chăm*" của Inrasara gồm 71 đơn vị câu đố và khảo sát câu đố người Việt trong sách "*Câu đố người Việt*" của Triều Nguyên, gồm 2.380 đơn vị và 51 câu đố trong tác phẩm "*Ca dao, dân ca, vè, câu đố huyện Ninh Hòa – Khánh Hòa*", [6] 600 câu đố trong "*Văn học dân gian xứ Huế*" (đồng dao, câu đố) [7] cho thấy: đối với người Chăm hoàn toàn sử dụng lời đố, còn đố người Việt sử dụng vừa lời đố và các thể thơ. Trong lời đố người Việt có thể tìm thấy nhiều thể dạng từ lời đố có từ 4 đến 7 tiếng, đôi khi có 8 tiếng. Về sử dụng các thể thơ để ra đố trong kho tàng câu đố người Việt chiếm tỉ lệ lớn (gần như toàn bộ) câu đố người Việt dùng các thể thơ để miêu tả nêu vấn đề đố.

Về thể thơ chúng tôi gặp rất ít trong số 71 đơn vị câu đố trong tác phẩm của Inrasara, đây có thể do công tác điền dã sưu tầm câu đố trong cộng đồng người Chăm chưa thật nhiều nên số lượng như vậy còn ít so với sự phát triển văn hóa dân gian của dân tộc Chăm (Điều này mong muốn các nhà sưu tầm văn hóa, văn nghệ dân gian tiếp tục sưu tầm bổ sung, nhằm làm phong phú số lượng câu đố của người Chăm). Trong khi đó với số đơn vị câu đố người Việt có là 2.380, phần nhiều sử dụng các thể thơ dạng hai tiếng, đến ngũ ngôn, lục

⁶ *Ca dao- dân ca – vè – câu đố huyện Ninh Hòa – Khánh Hòa*, Trần Việt Kinh (chủ biên), Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam, NXB. VHDT, 2011. tr. 464 – 474.

⁷ *Tổng tập Văn học dân gian xứ Huế* (tập 6, đồng dao, câu đố), Hội VNDG Việt Nam, Triều Nguyên, NXB. ĐHQG Hà Nội, 2010.

ngôn, song thất lục bát, thể thơ lục bát và có cả dạng hỗn hợp để làm phương tiện đối.

Qua đối chiếu về dạng thể hình thành câu đối, đối người Việt và đối người Chăm gặp nhau ở dạng thể thơ là rất thấp và ở dạng lời đối cũng rất thấp, có nghĩa là người Việt sử dụng các dạng thể thơ, còn người Chăm sử dụng lời đối. Vấn đề như thế khả năng giao thoa hay tương đồng nhau về dạng thể là rất thấp.

Tuy thế, xét về đối tượng vật đối, câu đối người Chăm và người Việt có giao thoa nhau, tương đồng nhau về chọn lựa vật đối. Trong đó phần lớn là các vật đối liên quan đến đời sống nông nghiệp, nông thôn và vật dụng thường gặp hằng ngày. đây chính là sự tương đồng nhau trong chọn vật đối của người Việt và người Chăm.

Theo đó, chúng tôi trình bày trong bảng đối chiếu sau đây để thấy có sự gặp nhau trong chọn vật để đối.

Đối tượng vật đồ (hoặc có liên quan cùng loại, hoặc chức năng của vật đó)	Tầng số xuất hiện (Chăm)	Tầng số xuất hiện (Việt)	Hình thức đồ	
			Chăm	Việt
cái trống	2	7	lời đồ	thơ 4 tiếng, thơ hỗn hợp
bắn ná	1	0	lời đồ	thơ 4 tiếng, thơ hỗn hợp
ngọn lửa	2	2	lời đồ	thơ 6/8
mặt trăng, ánh trăng	2	5	lời đồ	thơ 6/8
đèn, đèn dầu	1	6	lời đồ	lời đồ và thơ 6/8
đôi dép	1	0	lời đồ	
cây chuối/bẹ chuối	2	12	lời đồ	thơ 4 tiếng, hỗn hợp, 6/8
sừng trâu/con trâu	1	8	thơ 5 tiếng	thơ 3, 6 tiếng và hỗn hợp
ót	1	4	lời đồ	thơ 4 tiếng, 6/8, hỗn hợp
đàn (nhạc)	1	7	lời đồ	thơ 4 tiếng, 6/8, hỗn hợp
hàm răng/răng	1	8	lời đồ	thơ 3, 4, 7 tiếng, 6/8, hỗn hợp
trái/cây dứa	1	8	lời đồ	thơ 3, 4, 5, thơ hỗn hợp
trầu/lá trầu	1	11	lời đồ	thơ 6/8, thơ hỗn hợp
cây kim	1	7	lời đồ	thơ 4 tiếng, 6/8
cây nến	1	7	lời đồ	thơ 6/8

7 khiếu (lỗ)	1	6	lời đố	thơ 4 tiếng, 6/8, hỗn hợp
con trâu	1	11	lời đố	thơ 3 tiếng, 6/8, hỗn hợp
nắm	1	3	lời đố	thơ 4 tiếng, 6/8, hỗn hợp
mũi/miệng	1	2	lời đố	thơ hỗn hợp
con đĩa	1	4	lời đố	thơ 6/8
trái ớt	1	4	lời đố	thơ 6/8, thơ hỗn hợp
bàn chân	1	2	lời đố	thơ 3, 4 tiếng
gương soi	1	4	lời đố	thơ 6/8
hỉ mũi	2	1	lời đố	thơ hỗn hợp
cái võng	1	6	lời đố	thơ 6/8, thơ hỗn hợp
quả trứng	1	5	lời đố	thơ 3, 4 tiếng, thơ 6/8, thơ hỗn hợp
châm giã gai	1	6	lời đố	thơ 4, 5 tiếng, thơ 6/8
ngón tay/cái miệng	1	9	lời đố	thơ 6/8
cối xay lúa	2	17	lời đố	thơ 4, 6, 7 tiếng, thơ 6/8
con ốc	1	6	lời đố	thơ 6 tiếng, thơ 6/8
cái nắp cày	1	4	lời đố	thơ 5, 6 tiếng, thơ 6/8
sao trời	1	7	lời đố	thơ 4 tiếng, thơ 6/8

nồi cơm	1	8	lời đố	thơ 4 tiếng, 6/8, hỗn hợp
đũa ăn	1	9	thơ 5 tiếng	thơ 5 tiếng, thơ 6/8
cái giéng	1	1	lời đố	lời đố
chiếc chiếu	1	9	lời đố	thơ 8 tiếng, thơ 6/8
chén, bát	1	10	lời đố	thơ 4, 5, 8 tiếng, thơ 6/8, thơ hỗn hợp

Ví dụ một số câu đố dưới đây có cùng vật đố nhưng hình thức sử dụng phương tiện ngôn ngữ/lời ăn tiếng nói để ra câu đố có khác nhau, để có thể hình dung rằng, trong câu đố người Việt và người Chăm chỉ tương đồng nhau ở chỗ chọn đối tượng đố (dòng trên là câu đố người Chăm, dòng dưới là câu đố người Việt):

cái trống:

- *Con đánh mẹ kêu la (đánh trống ginơng)*

- *Có mặt mà chẳng có đầu*

Lúc nghèo thì bạn với trâu

Đến khi vinh hiển, gọi cô nàng hầu cái vú rỗ to.

ngọn lửa:

- *Hết trái thì ta cho ăn, riêng bàn tay thì ta không cho cầm*

nắm.

- *Việt Nam cung kính gọi Bà*

Bên Tây thì lại phong ta là Thần

Sáng soi sười ấm muôn dân

Ai gây tai họa, bao lần chịu oan.

sừng trâu/con trâu:

- Chẳng ai vót mà nhọn
Chẳng ai uốn mà cong.

- Bốn cột đình rinh tảng đá
Hai ông tướng tá đi trước vung gươm
Hai bà đi sau quạt hầu lia lịa.

trái ớt:

- **Urang taha** hia di rinaih.
Đứa bé làm cho ông già khóc.

- Hồi nhỏ tui mặc áo xanh
Sau lớn bằng anh tui mặc áo đỏ.

hàm răng:

- Kaung paga urang drei bboh,
kaung paga drei drei di bboh o.
Hàng rào nhà người thì mình thấy,
còn hàng rào nhà mình thì mình nhìn chẳng ra.

- Bằng hột lựu
Có thứ đen thứ trắng
Chẳng phơi nắng, chẳng dầm mưa
Chẳng thiếu, chẳng thừa
Mỗi nhà từng ấy hạt.

cây/trái dừa:

- Glaung mutuh **adorha** hu ia mưng dalam.
Cao nửa chừng mây bọc đầy nước ngọt.

- Quê em vốn ở trên cao
Người đem khoét ruột, nước trào tuôn rơi
Trách người phụ tấm lòng son
Trẻ đà khoét mắt, già còn đầu cưa.

cây nén:

- Sa phun sa bauh, sa pađauh sa asar

Một cây chỉ có một trái, một trái chỉ có một hạt.

*- Thuở bé em bằng cái bát
Anh chà xát, em bằng ngón tay
Đám giỗ đám chay thì em từng thấy
Đám cày đám cấy thì em chưa từng
Em chỉ nóng lòng giúp trong thiên hạ.*

con/đuôi trâu:

*- Sa bbaik ia puh bah o blauh dwa blah papan.
Một cây chổi lông quét chẳng xong hai tấm ván.*

*- Bằng cổ tay, nắn ngay giữa lỗ.
- Hè về thì sợ
Thu đến thì mừng
Nằm giường lèo không thích
Nằm vũng nước thì ưng.*

bàn chân:

*- Drei đih nhu dong,
Drei dong nhu đih.
Mình nằm thì nó đứng,
Mình đứng thì nó nằm.*

*- Bằng cái lá đa
Đi xa về gần.
- Đi thì nằm
Nằm thì đứng.
- Đi cũng nằm
Đứng cũng nằm
Khi nằm lại đứng.*

hỉ mũi:

*- Dwa urang dop dalam labang, limur urang dauk Krak,
Dwa u ang đước tabiak - paik parah.
Trong hang hai người núp, ngoài hang năm kẻ chực,*

Hai người chạy ra - chụp đầu vứt bỏ.

*- Hai truông xụt xịt, hai thằng qua,
Năm thằng đón bắt không tha thằng nào.*

cái võng:

*- Dwa bauh akauk, sa bauh tung, thei jang nhu ciip cakong
Hai cái đầu, một cái bụng, ai nó cũng chịu khiêng.*

*- Một miệng hai đầu
Đi qua đi lại
Gặp đàn ông cũng phải
Gặp đàn bà cũng xong
Xuân hè cho chí thu đông
Người lui kẻ tới, không bỏ không ngày nào.*

Quả trứng:

*- Poh kathaum poh pathak, poh **pariak** bboh muh.
Tróc vỏ rồi mở bọc, xé lớp bọc thì thấy vàng.*

*- Chum trắng mà đựng mắt vàng,
Đến khi lỡ làng, lại mở ra ăn.
- Vỏ trắng ruột đỏ, đã mở khó gài.*

Gai trong chân:

*- Mưk hu yơ klak, mưk o hu ba mai sang.
Lấy được thì bỏ đi, lấy chẳng được thì bỏ về.*

*- Tinh cò mà gặp
Gặp thì phải lấy
Lấy được thì quăng
Lấy không được than thở đem về.*

Ngón tay, cái miệng:

*- Mưnga vom sa pluh mik kamwon
Akauk mư-aum đwon ba gop tamư glai
Tamư glai ppajol dwah mưk tappay*

*Mưk hu ba mai limah ka pabah rak.
Nhà có mười cậu cháu
Đầu đội nón lá dắt nhau vào rừng
Bắt được một chú thỏ con
Dem hiến cho chần uống phí cả công.*

- *Giữa có con cá ngoe nguẩy*
- *Ở giữa có cái lá tía tô.*

bẹ chuối:

- *Mưnưk tanauw tabiak di rauw gauw takwai.
Gà trống ra khỏi chuồng oản cổ.*

- *Bằng con gà trống đỏ
Thò lơ trên cây.*

côi xay lúa:

- *Bbong galaung pabah, aih gah ka-ing.
Ăn đằng miệng, ỉa đằng lưng.*

- *Ầm ầm cạc cạc
Trong nạc ngoài xương
Như ngựa long cương
Không ai dám cười.*

con ốc:

- *Bbong galaung pabah, aih galaung pabah.
Ăn đằng miệng, ỉa đằng miệng.*

- *Bằng quả ôi khi nổi khi chìm.*
- *Yém nàng nịt, áo nàng gài
Nàng yêu ai, nàng queo đít.*

sao trời:

- *Ribuw raxa kot tik
Hajan thu lihik, padiak gilac labbung.*

- Có người mặt trắng như bông
Lấy một ông chồng mặt đỏ như son
Ban đêm thấy đặng trăm con
Ban ngày trốn hết chẳng còn một ai
Cha đi thăm thăm đường dài
Mẹ thời ở lại có thai trong lòng.
- Một cành kết vạn bông hoa
Mưa xuân thì héo, nắng già thì tươi.
- Huy hoàng tám vạn nghìn hoa
Mưa dầm thì héo, nắng già thì tươi.

đôi đũa:

- Wit wit, tacei tagok lingik, takai cik rik, bbong rim murta.
Tía lia chân dưới đất, cao vút tay chỉ trời, một mình xơi đủ

thứ.

- Anh hai đi cưới chị hai
Đến khi có cá mượn chài cho ai.

cái giêng:

- Wil đơ cangwa sa paga bbong o abih.
To tròn chỉ bằng cái nia mà cả nhà ăn không hết.

- Bằng cái nia cả làng chia không hết.
- Bằng cái nong cả làng đong không hết.

chiếc chiếu:

- Harei jiong ar, mulom jiong hamu.
Ban ngày thành bờ, ban đêm thành ruộng.

- Cây ngô đồng trồng ngoài đại hải
Khen ai khéo cái, cầu dọc cái ngang
Từ tiện chỉ sang, ai ai cũng có
Con nhà kẻ khó không dùng nó thì dùng chi.

chén, bát:

- Hwak blauh trun murnei.

Ăn xong xuống tắm.

- Em thương anh **thì** em hôn em hít,
Bồng anh lên thì anh tít lộ khu. (bát)
- Một bầy chim trắng ăn giữa bầu tròn
Xây lưng sấp mặt không còn con mô.
- Một bầy chim trắng
Xuống tắm vũng tròn
Bay lên cái rẹt
Không còn con mô.
- Một bầy chim trắng
Xuống tắm vũng tròn
Khi xuống xuống hết
Khi lên lên hết
Chẳng còn con mô.

1. 3. Thành ngữ

Thành ngữ là một cụm từ có sẵn, là một đoạn câu mà trong quá trình sử dụng tương đối có kết cấu cố định và bền vững nhưng chưa thể đưa ra hay thông báo một ý nghĩa hoàn chỉnh như tục ngữ mà nhằm thông báo một quan niệm nào đó dưới hình thức một đoạn câu có sẵn mang tính chất sinh động, hấp dẫn khi biểu đạt cho người khác. Và vì mới chỉ là thông báo một quan niệm và chưa hoàn chỉnh về ngữ nghĩa nên trước sau thành ngữ cũng được các nhà ngôn ngữ học nghiên cứu và xem chúng tương đương như từ. Tuy nhiên trong lời ăn tiếng nói hằng ngày đoạn ngữ được chọn lựa và sử dụng vào hoàn cảnh nói năng, phù hợp với hoạt động thực tiễn nên lời ăn tiếng nói cô đọng đó được sử dụng thường ngày và trở thành thành ngữ lưu hành trong nhân dân.

Trong quá trình sinh sống cộng cư với người Chăm tại miền Trung, người Việt đã đưa vào trong vốn thành ngữ của mình những quan niệm trong cuộc sống đời thường liên quan đến tự nhiên, xã hội,

con người mà người Chăm đã đúc kết được. Mặt khác, người Chăm đã tiếp biến giá trị thành ngữ của người Việt miền Trung nhằm thể hiện quan niệm về cuộc sống, phương thức ứng xử với tự nhiên, xã hội.

Qua so sánh, đối chiếu 863 thành ngữ trong sách “*Ca dao, tục ngữ, thành ngữ, câu đố*” của Inrasara với thành ngữ miền Trung trong các tác phẩm sưu tầm của các tác giả miền Trung, cho thấy có sự giao thoa nhau về quan niệm. Tìm sự tương đồng và dị biệt lời ăn tiếng nói giữa các vùng/miền đã được con người đặt ra từ rất sớm. Khi hình thành giai cấp, con người đã ý thức về riêng tư, của ta của người, của mình của họ,... Để có khái niệm về sự tương đồng và dị biệt trong thành ngữ của người Việt miền Trung và người Chăm, thực tiễn phải kinh qua quá trình nhận thức về sự vật và hiện tượng có cùng chung thuộc tính, từ đó mới có thể đưa ra quan niệm về nó một cách tương đối được. Không trùng lặp hoàn toàn ý niệm, nhưng xét về mặt nghĩa có có sự gặp nhau trong quan niệm dân gian về một vấn đề, sự vật nào đó được đưa ra trong hoàn cảnh nói năng nào đó, nhằm hướng ý thức con người đến với sự vật, hiện tượng và tính chất, đánh giá về nó. Người Việt miền Trung và người Chăm có cùng môi trường địa lý, cùng sống đan xen nhau thì chắc chắn có sự trao đổi nhau, ảnh hưởng nhau qua lại trong hầu hết các hoạt động liên quan đến con người đã xảy ra trong lịch sử.

Trong khảo sát, đối chiếu thành ngữ để tìm xem sự tương đồng, giao thoa nhau cùng lời ăn tiếng nói người Việt miền Trung với người Chăm, chúng tôi không phân thành từng nhóm vấn đề mà so sánh những yếu tố trong thành ngữ có sự tương đồng hoặc giao thoa nhau để đi đến thống nhất rằng, đã có sự gặp nhau trong lời ăn tiếng nói người Việt miền Trung và người Chăm trong lịch sử phát triển, đã tham gia vào tiến trình nâng cao giá trị thành ngữ của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

Sau đây là một số thành ngữ có sự tương đồng, hoặc giao thoa nhau (dòng trên: thành ngữ Việt; dòng dưới: thành ngữ Chăm):

- *Đầu tắt mặt tối.*
- *Akauk trun taika tagok.*
Đầu xuống chân lên.

- *Đầu đội vai mang*
- *Akauk đwa bira anaung.*
Đầu đội vai gánh.

- *Đất khách quê người.*
- *Atah palei karei angan.*
Xa làng khác tên.

- *Chửi mèo mắng chó.*
- *Ataung asuw ataung muryaw.*
Đánh chó đánh mèo.

- *Khó rách áo ôm.*
- *Asuw kaih klaih iku.*
Chó ghẻ đứt đuôi.

- *Con đàn cháu đống.*
- *Anuk tacauw yong rup*
Con cháu quanh mình.

- *Hết lòng hết dạ.*
- *Abih tung abih hatai.*
Hết lòng hết dạ.

- *Bán sống bán chết.*
- *Alah mutai alah diip.*
Biếng chết biếng sống.

- *Của ngon vật lạ.*

- Ahar crih bauh bingi.
Bánh lạ quả ngon.

- Nước đổ đầu vịt.
Nước đổ là môn.
- Ia murta biya.
Nước mắt cá sấu.

- Hỉ mũi chưa sạch
- Wak ia idung ka o hacih.
Vắt mũi chưa sạch.

- Cơm bung nước rớt.
- Wak xalau raw dwoh.
Lau mâm rửa đĩa.

- Bó chân bó tay.
- Ikak takai ikak tangin.
Cột tay cột chân.

- Thắt lưng buộc bụng.
- Ikak tian ralan hwa.
Bụng buộc lê lét.

- Ngón ngắn ngón dài.
- Inur kadieng inur canuw.
Ngón út ngón cái.

- Đuối như đuối tà.
- Ew yuw urang ew bhut.
Réo như réo tà.

- La trời la đất.

- **Ew** *lingik ew tathik.*
Kêu trời kêu biển.

- *Kêu trời không thấu.*
- *Ew lingik lingik o hamit.*
Kêu trời trời không nghe.

- *Chưa chết đã hôi.*
- *O ka murtai blauh bbuw bruk.*
Chưa chết đã bốc mùi thối.

- *Chân cứng đá mềm.*
- *Kajap tangin khong takai.*
Chân cứng tay vững.

- *Gần kề miệng lỗ.*
- *Kajaik **tamu** labang murtai.*
Gần kề hố chết.

- *Trời đánh thánh đâm.*
- *Katal klak kamak blah.*
Trời đánh thánh vật.

- *Ngứa mồm ngứa miệng.*
- *Katol cabbwai katol dahah.*
Ngứa mồm ngứa lưỡi.

- *Bạt núi ngăn sông.*
- *Kal **cok** bok banok*
San núi đắp đập.

- *Da bọc xương.*
- *Kalik đung talang.*

Da bọc xương.

- Ngậm đắng nuốt cay.
- Kaik lithun kaik liya.
Cấn hành cấn gừng.

- Tai vách mạch rừng.
- Kaung paga hu tangi.
Hàng rào có tai.

- Đứt ruột đứt gan.
- Klaih tung klaih **hatai**.
Đứt ruột đứt gan.

- Hết lòng hết dạ.
- Klauh tung klauh **hatai**.
Hết lòng hết dạ.

- Nửa đường đứt gánh.
- Klauh yaut murtuh nwoç.
Sút gùi nửa chùng.

- Ba đầu sáu tay.
- Kluw gah tangin, tajuh gah takai.
Ba tay bảy chân.

- Giữ mỏ giữ má
- Khik kut khik tathat.
Giữ kut giữ tathat.

- Giữ mồm giữ miệng
- Khik cabbwai khik dalah.
Giữ mồm giữ lưỡi.

- Ép nợ ép duyên.
- Khing aip khing tatok.
Lấp ép lấy đê.

- Câm miệng hén.
- Khup khauw kamauw nhai.
Câm miệng hén.

- Làm tới đâu hay tới đó.
- Ngap tọl halei thuw tọl nan.
Làm tới đâu hay tới đấy.

- Làm vương làm tướng
- Ngap patau ngap bia.
Làm vua làm hoàng hậu.

- Làm chơi xoi thiệt
- Ngap mư-in bbong biak.
Làm chơi xoi thiệt.

- Làm bộ làm tịch.
- Ngap mưnuh ngap mưmưng.
Làm bộ làm tịch.

- Làm như ăn cướp.
- Ngap yuw urang pauh blah.
Làm như ăn cướp.

- Giả đui giả điếc.
- Ngap langauh ngap taglauh.
Giả điếc giả đui.

- *Giả điên giả dại.*
- *Ngap hanrwai ngap taba.*
Giả điên giả dại.

- *Thâm căn cố đế.*
- *Cak kong cak languw.*
Thâm căn cố đế.

- *Hoa hòe hoa sói.*
- *Cih bingu cih hala.*
Vẽ hoa vẽ vắn.

- *Cầu được ước thấy*
Cầu tất ứng nguyện tất thành.
- *Caung patwah dwah jamauw.*
Cầu được ước thấy.

- *Chim trời cá nước.*
- *Ciim di glai.*
Chim trong rừng.

- *Đất như vàng.*
- *Chet yuw jru.*
Đất như vàng.

- *Khôn từ trong trứng*
- *Jak mừng dalam tian amaik.*
Khôn từ trong lòng mẹ.

- *Kẻ cắp bà già gặp nhau*
- *Jadak gauk jadun.*
Jadak gặp jadun.

- Sức cùng lực kiệt.
- Jauh jauw li-auw mat.
Què quặt chân tay rệu rã tinh thần.

- Nên vợ thành chồng.
- jiong hadiip jiong pathang
Nên vợ nên chồng.

- Nên cơm nên cháo.
- Jiong ia jiong lisei.
Nên nước nên cơm.

- Nên công nên chuyện
- Jiong bruk jiong kadha.
Nên công nên chuyện.

- Nên cửa nên cái
Nên cửa nên nhà.
Nên gia nên thất.
- Jiong bbong jiong angwei.
Nên cửa nên cái.

- Như hình với bóng.
- Jwak sa takai.
Đạp dấu chân.

- Ganh ăn ghét ở.
Ghét ăn tức ở.
- Jhak hatai pađiak murta.
Xấu bụng nóng mắt.

- Ba chân bốn cẳng.
- Takai kluw takai ppak.

Chân ba chân bốn.

- *Tiến thoái lưỡng nan.*
- *Tagok gauk yuw kadun gauk paraik.*
Tiến thì đụng ách lui thì chạm càng.

- *Bám bụng bám gan.*
- *Tatok tung tatok tian.*
Nén bụng nén dạ.

- *Chín nấu ruột gan.*
- *Tathak tung tathak hatai.*
Chín bụng chín gan.

- *Thẳng ruột ngựa*
- *Tapak đak raung.*
Thẳng cong lưng.

- *Vui như mở hội.*
- *Tapoh tung tapoh hatai.*
Nức lòng nức dạ.

- *Mát hờn mát vía.*
- *Tapoh prun tapoh yawa.*
Bay hờn bay vía.

- *Thâm sơn cùng cốc.*
- *Tachauk cok kawok glai.*
Xó núi khuất rìng.

- *Bám bụng bám gan*
- *Tatok tung tatok tian.*
Đè bụng đè dạ.

- *Qua ngày đoạn tháng.*
- *Tappa harei tappa bilan.*
Qua ngày qua tháng.

- *Sa cơ thất thế.*
- *Tablait tangin tachaur takai.*
Trật tay sây chân.

- *U mê ám chương.*
- *Tadar hatai tadar phik.*
Bít dạ nghẽn mật.

- *Thuận vợ thuận chồng.*
- *Hu hadiip hu pathang.*
Đồng vợ đồng chồng.

- *Nở mặt nở mày.*
- *Hu bbauk hu murta.*
Mở mặt mở mày.

- *Ruộng sâu trâu nái.*
- *Hamu bhum kabaw wal.*
Ruộng sở trâu chuông.

(...)

Trong số 863 thành ngữ người Chăm đã được Inrasara sưu tầm trong “*Ca dao, tục ngữ, thành ngữ, câu đố*”, qua đối chiếu, thống kê, chúng tôi nhận được sự tương đồng nhau về mặt quan niệm (nào đó) trong cuộc sống là 245/863, tỉ lệ 28,38% giữa người Việt miền Trung và người Chăm. Điều đó cho thấy rằng, trong cùng điều kiện địa lý tự nhiên và phần nào có cùng quan niệm trong triết lý âm – dương, trên

– dưới, đực – cái có nhiều nét tương đồng giữa hai dân tộc Việt – Chăm không có sự cách biệt nhiều lắm. Người Chăm dùng lịch Chăm nhưng lại cũng có mười hai con giáp nên đã ảnh hưởng, giao lưu văn hóa dân gian của nhau, đã thể hiện trong lời ăn tiếng nói hằng ngày của cư dân tại miền Trung Việt Nam. Người Việt miền Trung đến cộng cư với tiền trú phương Nam, họ mang theo nền văn hóa dân gian bản địa ra đi để rồi từ đó tiếp cận với thực tiễn vùng đất mới làm nảy sinh những thành tố văn hóa dân gian mới. Văn hóa dân gian người Việt kết hợp với yếu tố sẵn có tại địa bàn cư trú mới, hòa quyện nhau tạo nên một dạng thức văn hóa dân gian phong phú, từ đó góp phần và làm tăng giá trị và làm đậm đà nền văn hóa dân tộc Việt Nam. Thành ngữ cũng xuất phát từ lời ăn tiếng nói của người dân cả Việt lẫn Chăm không ngừng được mở rộng, cung cấp khái niệm, làm phong phú nội hàm biểu đạt. Trong di sản văn hóa phi vật thể, thành ngữ người Việt miền Trung hay Chăm đều hiểu là sản phẩm tinh thần có giá trị văn hóa lịch sử mà trải qua nhiều thế kỷ mới hình thành nên được và được lưu giữ bằng trí nhớ, lưu truyền bằng miệng trong dân gian và thường xuyên được sử dụng là công cụ trong giao tiếp. Ở đó phát huy chức năng giáo dục, phản ánh của thành ngữ như là một biện pháp thể hiện tư duy con người về hiện tượng tự nhiên, xã hội của người Việt tại vùng Trung bộ Việt Nam. Sự kết hợp, tương đồng hoặc giao thoa nhau giữa thành ngữ Việt – Chăm cho thấy đã tác động rất lớn và sâu sắc đến văn hóa dân gian miền Trung, tạo nên sự đa dạng và bền vững của lời ăn tiếng nói dân gian trên vùng đất mới.

1. 4. Ca dao

Theo Dương Quảng Hàm trong “*Việt Nam văn học sử yếu*”, định nghĩa: ca dao (ca: hát; dao: bài hát không có chương khúc) là những bài hát ngắn lưu hành trong dân gian, thường tả tính tình, phong tục của người bình dân. Bởi thế ca dao cũng gọi là phong dao (phong: phong tục) nữa.

Ca dao, theo “*Từ điển Tiếng Việt*” của Viện Ngôn ngữ do Hoàng Phê chủ biên, định nghĩa ca dao là: 1. Thơ ca dân gian truyền miệng

dưới hình thức những câu hát, không theo một điệu nhất định, 2. Thể loại văn vần, thường làm theo thể lục bát, có hình thức giống như ca dao cổ truyền [8]

Theo “*Từ điển thuật ngữ văn học*” [9], cho rằng ca dao còn gọi là phong dao. Ca là bài hát có điệu khúc, dao là bài hát không có điệu khúc.

Trong tác phẩm “*Ca dao, tục ngữ, thành ngữ, câu đố Chăm*”, tác giả Inrasara khảo luận về ca dao người Chăm, không đưa ra định nghĩa về ca dao người Chăm mà giải thích thuật ngữ ca dao: “Minh định ngữ nghĩa của thuật ngữ văn học Chăm và đối chiếu với thuật ngữ tiếng Việt là một điều khó khăn nhưng cần thiết. Khó khăn vì đây là một việc làm hoàn toàn mới mẻ trong khi tư liệu công cụ lại thiếu thốn. Cần thiết vì chẳng những nó giúp cho người đọc có căn bản tiếng phổ thông tìm được từ tiếng Chăm tương ứng mà còn giúp chúng ta một số tiêu chí để phân định các chủng loại văn học Chăm nói chung, và văn học dân gian Chăm nói riêng”. [10] Tuy nhiên, sau đó ở phần trình bày về ca dao, tác giả Inrasara phát biểu, rằng: “Nội dung thể sự trong ca dao Chăm bao gồm những nhận định về *sinh hoạt thường ngày*, về cảnh trí thiên nhiên và về cuộc sống nói chung. Nhiều câu ca dao Chăm còn nói lên được những *tình cảm quan trọng giữa người với người*” (in nghiêng do V.V.H. nhấn mạnh). Theo đó, ta có thể thấy *sinh hoạt thường ngày* chính là phong tục, tập quán, là thói quen thường ngày của con người trong sinh hoạt gia đình, làng xóm, xã hội, còn *tình cảm quan trọng giữa người với người* chính là tính tình của người bình dân. Theo quan niệm đó, xét ra ca dao người Việt và người Chăm có sự giao thoa tương đồng, tiếp biến nhau trong quá trình giao lưu, cho - nhận và phát triển.

Từ những nhận định trên, chúng tôi khảo sát 42 đơn vị ca dao trong tác phẩm “*Ca dao, tục ngữ, thành ngữ, câu đố*” của tác giả

⁸ *Từ điển Tiếng Việt*, Hoàng Phê (chủ biên), NXB Đà Nẵng – Trung tâm Từ điển học, 2006.

⁹ *Từ điển thuật ngữ văn học*, Chủ biên: Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi, NXB. GD, 1992.

¹⁰ *Ca dao, tục ngữ, thành ngữ, câu đố Chăm*, Inrasara, NXB. VHDT, 2006. Tr. 16.

Inrasara (Sđd) và 10 câu ca dao Chăm trong tác phẩm “*Nếp sống cổ truyền người Chăm, huyện Vân Canh tỉnh Bình Định*” của tác giả Nguyễn Xuân Nhân, Đoàn Văn Téo [11], đối chiếu với 2.763 đơn vị trong tác phẩm “*Ca dao, dân ca đất Quảng*” [12], 80 đơn vị ca dao người Việt miền Trung về chiếc nón trong tác phẩm “*Một số nghề, làng nghề truyền thống và văn hóa ẩm thực vùng đất Khánh Hòa*” [13], có thể nói rằng về thể ca dao lục bát của người Việt có ảnh hưởng, tiếp biến sang thơ lục bát, ca dao, trường ca/ariya người Chăm, thảng vẫn có trường hợp một tác phẩm không giao thoa nhau cả vần và nhịp điệu theo đặc trưng thể loại ca dao lục bát. Qua khảo sát cho thấy, ca dao người Việt miền Trung và người Chăm thường giao thoa, tiếp biến nhau trên cơ sở sự biến thể của thể loại. Trường hợp khảo sát trường ca *Hbia tà lúi – kalipu* của người Chăm ở Phú Yên với ca dao người Việt miền Trung cho thấy điều đó. Đây là những ca dao lục bát biến thể, câu dài ngắn không giống nhau, gieo vần không theo luật định, về phân phối nhịp điệu có nhịp chẵn 2/2, nhưng cũng có chen xen nhịp ba.

Sau đây là bài ca dao biến thể của người Việt miền Trung:

- *Con nhà ai/ nhỏ nhỏ/ mà to gan*

Thấy người ta/ đi lính mộ/ cũng xuống Hàn/ ký tên [14]

Về nhà/ con khóc/ vợ rên

Hương trên/xã dưới/ bốn bên/ xì xèo

Vịn vai chàng/ nước mắt /chảy xuôi

Ai làm/ nên nổi/ đôi đũa tui/ thế này

Bước chân/ xuống bến/ tàu Tây

Chân trời/ góc bể /biết rày /còn gặp không

Dậm chân /đám ngực /kêu trời

Vợ chồng /gần gũi/ chưa mấy năm trời/ lại xa

¹¹ *Nếp sống cổ truyền người Chăm, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định*, Hội VNDG Việt Nam, NXB. LD. 2011.

¹² *Ca dao dân ca đất Quảng*, Hội VNDG Việt Nam, NXB. ĐH QGHN. 2010.

¹³ *Một số nghề, làng nghề truyền thống và văn hóa ẩm thực vùng đất Khánh Hòa*, Hội VNDG Việt Nam, NXB Lao động, 2011.

¹⁴ Lính mộ: lính đánh thuê thời thuộc Pháp, được mộ sang Châu Âu tham gia chiến tranh thế giới.

*Xứ người/ đất lạ /xông pha
Cái đời/ lính mộ/ khổ là /biết bao ! [15]
Bài ca dao biến thể của người Chăm:
- Mắm chẳng có/ trong chai
Chân mang giày/, ta đi/ xuống phố
Gạo chẳng có/ trong khương
Mặc váy ngang/, ăn hàng/ giữa chợ
Cá chẳng có/ trong xoong
Sớ mít thơm/ giầu nơi/ kẹt cửa. [16]*

Khảo sát thể ca dao người Việt miền Trung và ca dao người Chăm, cho thấy: về luật 6/8 của ca dao Việt, là:

Câu 6 : *b b t t b b*

Câu 8 : *b b t t b b t b*

(Chữ nghiêng không nhất thiết phải theo đúng luật. Câu ca dao/lục bát người Việt tuân thủ theo luật: *nhất, tam, ngũ bất luận; nhị, tứ, lục phân minh*).

Chúng tôi khảo sát, đối chiếu 52 đơn vị ca dao trong hai tác phẩm đơn vị ca dao của người Việt miền Trung và người Chăm nêu trên, có thể rút ra nhận xét sau:

- Ca dao người Chăm không ảnh hưởng cách gieo vần như ca dao người Việt mà phương thức gieo vần như Nghiêm Thâm đã nhận xét trong Tạp chí nguyệt san *Quê Hương* (số tháng 6–1962) và mười năm sau đó, nhạc sỹ Phạm Duy đã khảo sát trong sách “*Đặc khảo về dân nhạc Việt Nam*” xuất bản năm 1972 tại Sài Gòn cũng đưa ra nhận xét như Nghiêm Thâm: âm thứ **sáu** câu sáu vần với âm thứ **tư** câu tám, tức lục bát Chăm gieo vần lưng, chữ thứ sáu dòng lục hiệp với chữ thứ tư dòng bát. Chẳng hạn:

- Ciim **đom** di dhan kluw **pluh**,
Ciim nau mus**uh** klak dhan mujwa. [17]

¹⁵ Trong *Ca dao, dân ca đất Quảng*, Hội VNDG. Việt Nam. NXB. ĐHQG. 2010. Tr. 152.

¹⁶ Trong: *Ca dao, tục ngữ, thành ngữ, câu đố Chăm*, Inrasara, NXB. VHDT. 2006. Tr. 21.

¹⁷ Nguồn: *Ca dao, tục ngữ, thành ngữ, câu đố*, Inrasara, NXB VHDT, 2006. Tr 18.

- Thei mai mung deh **thei o**
Droh phik kou **lo** yaum sa urang
Ai đến từ đằng kia **xa**
Giống người yêu **ta** riêng chỉ một người.

(Panwoc Paddit – ca dao)

Điều này cũng dễ nhận thấy qua khảo sát ca dao người Việt, hiện tượng tương đồng này xuất hiện trong ca dao Việt:

Trèo lên cây bưởi hái hoa
Bước xuống vườn **cà** hái nụ tầm xuân.
(ca dao)

Nhưng khi chuyển ngữ sang lời ăn tiếng nói người Việt miền Trung thì lại tiếp nhận luật của ca dao lục bát người Việt, tuy nhiên cũng như người Việt miền Trung, chỉ chú trọng chữ thứ sáu mà thôi, còn các chữ ở vị trí *nhất, tam, ngũ* phối trí thành tự do theo thao tác kết hợp:

(- Băm con chim/ đậu trên **cành**,
Chim đi /chiến đấu/ bỏ **cành**/ vắng hoang).[¹⁸]

Và:

Cok glaung glai công mung **nak**,
Kuw maung mai **wok** o bboh dhan phun.
(- Núi cao/ rừng lá /che **ngang**,
Ngoái nhìn /nào thấy/ bóng **làng** /ta đâu.)

Hoặc:

- Thei thuw ka tian kuw **lipa**,
Nhjơm par di **ia** mung thuw ka tian.
(-Lòng ta/ ai có/ thấu **chăng**,
b b b t t b
Bèo dưới sông /mới hiểu /tâm tình này.) [¹⁹]
b t b t t b b b

¹⁸ Nguồn: *Ca dao, tục ngữ, thành ngữ, câu đố*, Inrasara. Sđd.

¹⁹ Nguồn: *Ca dao, tục ngữ, thành ngữ, câu đố*, Inrasara. Sđd.

- Câu chuyện ngữ trên là một biến thể ^[20] của ca dao lục bát mà ta thường gặp trong kho tàng ca dao người Việt miền Trung. Ca dao người Chăm và người Việt miền Trung thường gặp nhau trong lối ca dao biến thể này, đặc biệt trong ariya Bini Cam. Chẳng hạn sự biến thể như sau đây có thể tìm thấy rất nhiều trong kho tàng ca dao người Việt miền Trung và của người Chăm:

Của người Việt:

*- Tay anh cầm/ cần câu trúc,/ lưỡi câu thau
Muốn câu/ con cá biển/ chớ con cá bầu/ thiếu chi.
- Đứng bên ni/ sông Hàn
Ngó qua bên tê /Hà Thân/ nước xanh/ như tàu lá
Đứng bên ni /Hà Thân
Ngó qua/ bên tê Hàn/ phớ xá/ nghênh ngang
Từ ngày/ Tây lại/ Sứ sang
Đào sông/ Câu Nhí, /bòn vàng /Bông Miêu
Dặn tấm lòng/ ai dõ/ em đừng xiêu
Gắng công/ nuôi phụ mẫu /sớm chiều/ có ta ! ^[21]*

Của người Chăm:

*- Chăm – Bà ni /đâu xa
Cùng màu da, /cùng lòng máu
Chăm – Bà ni/ đâu khó
Cát lồi /chung hạt,/ nước chung nôi
Chăm lầy Bani /được thôi
Ai rằng/ chẳng được /tội người /áy mang.*

...

*- Lân Đát Cày toàn là pday chơ
Hmau jieh kagân ploh jieh chotroh lô
Xoh hmau halươi ngăh lân nil
Chăm H'roi aĩh ngăh bung lân nil*

²⁰ Biến thể là thể văn có biến đổi đi. Thể này cũng là thể lục bát, nhưng thỉnh thoảng có chen vào một ít câu mà cách hiệp vần và luật bằng trắc khác thể lục bát truyền thống. Thể biến thể này người Việt thường dùng để viết truyện Nôm khuyết danh: Phạm Công Cúc Hoa,...người Chăm giao thoa với thể biến này thể hiện phần nhiều trong các truyện ariya/trường ca.

²¹ Trong *Ca dao, dân ca đất Quảng*, Hội VNDG, Việt Nam, NXB. ĐHQG. 2010.

Chontra h thoah kah jie h kagân
Chuh, choh xung lân soi aphuh
Hmau lân *soi nà*, pla kotor aphuroi
Kotor, aphuroi chăh chơ kôh êm
Kotoi, aphoi lô chokah bung plo h
Ani, xoh lo mopa tung. [22]

Chuy ền ngữ:

*Vùng Đất Cà y/ toàn rừng núi
Có sông/ Hà Thanh/ và nhiều/ khe suối
Chưa có ai/ khai phá/ đất cà y
Người Chăm/ H'roi/ khai phá/ đất này
Phát dọn cây/ hai bên bờ/ sông Hà Thanh
Đốt, cuộc đất thành soi nà rộng lớn
Có đất thực rồi ta trông bắ p, mì
Bắ p, mì mọc lên tốt tươi
Bắ p, mì thu hoạch ăn uống dư thừa
Bây giờ không sợ đói nữa.*

- Polông Đất Cà y – Vân Canh ari a ni
Pođê h a nghinh thu lân
Chơai nao chơma lum pga kojă u boh ngon
Tum thun nao lơkao
Monih ađă u đoh lum lân
O i ! Pu chơ ra, pu chơ đă m
Dù naopokă h juôi
P'lây Chăm ađă u đoh *nhớ hoài*. [23]

Chuy ền ngữ :

*Đất Cà y – Vân Canh ngày nay
Vă n nă ng-gió và khô hanh*

²² Nguồn: *Nếp sống cổ truyền người Chăm, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định*, Hội VNDG Việt Nam, NXB. LĐ. 2011.

²³ Nguồn: *Nếp sống cổ truyền người Chăm, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định*, Hội VNDG Việt Nam, NXB. LĐ. 2011.

*Anh qua bao vườn cây trái ngọt
Mấy trăm năm rồi
Những người xưa không mất
Người xưa lẫn vào đất
Oi con gái, con trai
Dù có đi mãi đâu
Cũng nhớ hoài hồn làng.*
- Aw juk danuk dalam
Tamur bhum Bicam Ppo Harim Muh
Rang ngap banok gan cok
Kal tada cok Ppo ngap bimong
Rang ngap banok gan ia
Kal tada cok Ppo rọp bomong
Mukal Kalaung jwa dei
Rak ni hu palei Ppo Harim Muh di cok.[²⁴]

Chuyển ngữ :

*Áo đen, ôi lũng sâu
Vào đất Ma Lâm thăm Po Harim Muk
Người đắp đập ngang núi
San sườn núi, Ngài dựng ngọn tháp
Người đắp đập ngang sông
Phả núi bằng, Ngài xây ngọn tháp
Xưa đất Kalong vắng lạnh
Hôm nay núi có Po Harim
Xưa đất Kalong hiu quạnh
Hôm nay núi có xóm thôn.*
-Caik tian muryut thei biai
Tamuh di hatai ai saung adei
Caik tian muryut saung dei
Calah nau halei, hatai padik ruw
Caik tian muryut thei thuw

²⁴ Nguồn: *Ca dao, tục ngữ, thành ngữ, câu đố*, Inrasara. Sđd.

Rabbah lo than **kuw**, biak duh hatai
Sa bbong mryut saung **ai**
Ngap yuw gilai dong kruk tathik
Kak tian kuw bbong nhjom phik
Cang ppo lingik jai mai wok taum [25]

Chuyển ngữ:

*Yêu nhau chẳng kẻ vẽ bày
Lòng ta chớm nở tình này mà thôi
Yêu nhau mong được chung đôi
Tình sao xa cách mãi cho người thêm đau
Yêu thương ai hiểu cho nhau
Khổ tâm ta với mối sầu tương tư
Yêu nhau biết mấy cho vừa
Lênh đênh biển sóng em như cánh buồm
Ăn rau đắng, nén nỗi lòng
Gió xô xum họp, chỉ còn mong ơn trời.*

Của người Chăm

Woy ia tanuh lahom lahom

1 2 3-4 5-6 7-8

Mung Bal Canar wok nau Harok Kah

1 2 3-4 5 6 7-8 9

Tanran riya glai glaung lawah

1-2 3-4 5 6-7 8

Than ia rabbah ke tawak takai nai

1 2 3-4 5 6-7 8-9 10

Ca dao biến thể như vậy rất tự do trong âm tiết.

Những câu ca dao có lối biến thể như trình bày trên được thể hiện trong lời ăn tiếng nói dân gian Việt – Chăm, chúng ta có thể thấy

²⁵ Nguồn: *Ca dao, tục ngữ, thành ngữ, câu đố*, Inrasara. Sđd.

sự giao thoa, ảnh hưởng lẫn nhau về thể loại giữa ca dao người Việt miền Trung với ca dao người Chăm.

Khi chuyển ngữ từ Chăm sang Việt, câu ca dao theo phương thức gieo vần của ca dao người Việt, nhưng thỉnh thoảng vẫn có một số câu ca dao dân gian Chăm gieo vần ở chữ thứ sáu câu sáu với chữ thứ tư câu tám, thế nhưng trong khi ca dao lục bát Việt hiệp vần ở chữ thứ sáu thì lục bát Chăm không hề thay đổi gieo vần lưng.

Nội dung phản ánh trong ca dao người Việt và người Chăm cũng có sự gặp nhau trong phản ánh môi trường, điều kiện lao động sản xuất, trong tình yêu quê hương đất nước, trong quan hệ xóm làng, trong các sự kiện lịch sử tại địa phương, trong tình yêu lứa đôi,... Về nội dung như thế cho chúng ta ngày nay biết được rằng, người Việt miền Trung và người Chăm xưa kia đã có sự giao thoa, tiếp biến hình thức ca dao và cả nội dung phản ánh. Qua khảo sát ca dao Chăm, điều cho chúng ta biết được phương thức gieo vần của ca dao người Chăm không giống cách gieo vần của ca dao người Việt. Điều chắc chắn rằng khi câu ca dao có niêm luật đúng là thể loại sáu tám thường tuân thủ theo: *nhất tam ngũ bất luận, nhị tứ lục phân minh* từ đồng bằng Bắc bộ đi dần vào Nam đã có sự lệch đi so với phương thức gieo vần như bản thân mà nó vốn có. Đó là sự biến thể của ca dao lục bát nhằm phù hợp với cơ sở thực tiễn của người Việt miền Trung khi giao lưu với người Chăm, Co, Ve, Cờ tu,... bản địa.

1.5. Đồng dao (同谣)

Đồng dao theo Dương Quảng Hàm trong sách "*Việt Nam văn học sử yếu*", định nghĩa: "đồng dao là các bài hát của trẻ con" (đồng dao). Trong Tạp chí Văn học số 4/1974, GS.TSKH. Tô Ngọc Thanh trong bài "*Đồng dao với cuộc sống dân tộc Thái ở Tây Bắc*", đã viết rằng, "Trong môi trường sinh hoạt mỗi bài đồng dao là một thể kết hợp văn hóa - văn nghệ dân gian. Thông thường nó gồm ba yếu tố: trò chơi, lời ca văn vẻ, làn điệu âm nhạc. Cũng có một số bài có hai yếu tố, và lời ca là âm nhạc. Mỗi yếu tố hợp thành đã đóng vai trò của một thành

viên không thể cắt rời của thể kết hợp đó". [26]. Trong sách "*Văn học Chăm*" tác giả Inrasara cho rằng: "Đồng dao Chăm là những bài thơ có vần điệu được trẻ con Chăm hát truyền khẩu cho nhau qua nhiều thế hệ". [27] *Từ điển Tiếng Việt*, Hoàng Phê chủ biên định nghĩa đồng dao: "là lời hát dân gian truyền miệng của trẻ em, thường kèm một trò chơi nhất định". [28]

Hiện tại xét về mặt đồng đại, đồng dao không còn được các em tập trung tổ chức hát, chơi trò chơi đi kèm, thường xuyên tại các trường học, thôn làng, nên việc sưu tầm ghi chép lại thể loại văn học này trên một địa bàn cư trú cụ thể gặp khó khăn không ít. Tuy nhiên, thắng vẫn còn nhưng các em chỉ đọc đồng dao để nghe với nhau, hoặc được tổ chức dàn dựng đưa lên sân khấu hoặc truyền hình, hoặc tổ chức trong các trường Tiểu học với chủ đề chung "Trường học thân thiện", theo đó đồng dao mất tính xác thực như nó đã vốn có cả về từ ngữ lẫn trò chơi và nhịp điệu đi kèm.

Trong chuyên khảo này, chúng tôi khảo sát đồng dao người Việt, người Việt miền Trung và người Chăm để tìm nét tương đồng hoặc có giao thoa nhau trong tiến trình giao lưu, tiếp biến văn hóa dân gian khu vực miền Trung Việt Nam. Thực hiện lát cắt trên quan điểm đồng đại để tìm hiểu trong một giai đoạn diễn biến từ khi người Việt đặt chân vào phương nam, muộn nhất từ năm 1471 đến đầu thế kỷ XX làm đối tượng cho nghiên cứu, đối sánh để tìm hiểu sự tương đồng, giao thoa trong đồng dao của trẻ em người Việt - Chăm.

Qua khảo sát, xem xét 20 đơn vị đồng dao trẻ em người Chăm trong sách: "*Văn học Chăm*" của tác giả Inrasara, đối chiếu với 16 đơn vị đồng dao sách "*Văn hóa dân gian Hòa Vang*" [29], "*Văn nghệ dân gian Quảng Nam - Đà Nẵng*" (tập 1/1983), một số đơn vị đồng dao trẻ em ở Khánh Hòa (mạng internet), và 713 đơn vị đồng dao trong

²⁶ *Đồng dao với cuộc sống dân tộc Thái ở Tây Bắc*, Tô Ngọc Thanh, Tạp chí Văn học, số 4/1974.

²⁷ *Văn học Chăm*, Inrasara, NXB. Văn hóa dân tộc, 12/2004.

²⁸ *Từ điển Tiếng Việt*, Hoàng Phê (chủ biên), NXB Đà Nẵng & Trung tâm từ điển học, in lần thứ 12, tr. 342, 2006.

²⁹ *Văn hóa dân gian Hòa Vang*, Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam, Võ Văn Hòe, NXB. Dân Trí, 2012.

sách “*Đồng dao người Việt*” [30] cho thấy các bài đồng dao trẻ em người Việt có thể loại kết hợp mỗi câu 2 tiếng, 3, 4, 5, 6, 7 và có câu lục bát 6/8. Qua đối chiếu với ca dao trẻ em Chăm rất ít bài đồng dao có câu 3, 4 tiếng (có 2/20), ít tìm thấy thể đồng dao 2 tiếng, 3, 4, 5, 6, 7 tiếng mà tập trung phần nhiều là các bài đồng dao hỗn hợp, có bài câu 3 tiếng lẫn với câu 4, 5 tiếng, do đó bài đồng dao của trẻ em Chăm câu có số tiếng không bằng nhau. Ngược lại trong đồng dao trẻ em người Việt miền Trung cơ cấu câu 2 tiếng đến 3, 4, 5, 6, 7, và câu lục bát 6/8 vẫn có và chiếm tỉ lệ lớn. Tuy nhiên vẫn có trường hợp đan xen câu 3 tiếng đến 4 tiếng, có khi 2 tiếng trong một bài như đồng dao trẻ em Chăm. Ví dụ bài đồng dao sau đây của trẻ em người Việt, mỗi câu 3 tiếng, nhưng vẫn phá vỡ tiết tấu để thể hiện thanh điệu, ngữ điệu và nhịp trong biểu hiện gắn với trò chơi cùng với lời càng lúc càng nhanh dần:

*-Đúc cây dừa
Chừa cây nạng
Cây lòng ống
Cây bí đao
Cây nào cao
Cây nào thấp
Cây nào rập
Cây nào rà
Mông toi, bí đỏ
Quan văn, quan võ
Ăn cắp trứng gà
Bọ xa, bọ xít
Bò ra tay này
Mà gây tay nọ
Mà bỏ tay ni !*

bài đồng dao trẻ em Chăm thể 3 tiếng:

-Kwik Kwak

³⁰ *Đồng dao người Việt (sưu tầm, tuyển chọn, bình giải)*, Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam, Triều Nguyên, NXB.Lao Động, 2011.

Kwik dik cabbak
Kou lauk gilaung
Kwik hu kaung
Kou hu krah
Kwik hu brah
Kou hu jien...
Kwik Kwak
Kwik leo công
Tao chui rào
Kwik có công
Tao có nhĩn
Kwik có gạo
Tao có tiên...

Bài đồng dao trẻ em Việt thể 4 tiếng:

-Ru ru kiến kiến
Con kiến ở nhà
Con gà bơi bép
Con rệp thắp hương
Chàn hương bới tóc
Cá nóc cầm chèo
Con mèo tát nước
Con vạc đi ăn
Mụ vằn đi chợ
Mua mật mua mỡ
Về cho kiến ăn
Làm nhà năm căn
Cho con kiến ở
Kiến không thềm ở
Kiến bỏ kiến đi.

Bài đồng dao của người Chăm thể 4 tiếng/câu:

-Bluk bluk blu blu
Gà chú một đôi
Bò câu một giò

*Phát rừng làm rẫy
Rẫy chú trông đậu
Đậu chú xanh xanh
Cà chú lóp lóp
Cơm nước no bụng.
(Bluk bluk blu blu
Munuk cei sa you
Katrou cei sa habai
Jah glai ngap puh
Puh cei pala ritak
Ritak cei vei vei
Traung cei dak dak
Cei hwak trei tung).*

Bài sau đây của trẻ em người Chăm là tổng hợp câu có số tiếng không bằng nhau:

*Japlwai lội nước [31]
Con chồn lội bẫy
Năm lấy cẳng
Quẳng vào cột
Ông Đom Song [32]
Đứng trước mặt mẹ Japlwai.
(Japlwai lwai ia
Muja hwa gaiy
Pan di laiy
Cabauh di gong
Ong Đom Song
Anak maik Japlwai.)*

Bài đồng dao trẻ em Việt miền Trung có số tiếng 4, 5, 7 đan xen nhau, tương đồng với đồng dao trẻ em Chăm:

³¹ Jăpwai: tên riêng, Ja được đặt trước tên con trai cũng như Mu được đặt trước tên con gái. Dẫn Theo Inrasara trong *Văn học Chăm*.

³² Đom Song: tên nhân vật trong truyền thuyết Chăm, như Đam San của đồng bào Tây nguyên. Dẫn Theo Inrasara trong *Văn học Chăm*, NXB. VHDT. 12/2004.

-Đàn dê lên rừng
Thấy hang hổ xám
Thì dừng lại ngay
Hổ xám có nhà không?
Hổ xám còn rình môi!
Hổ xám rình môi chi?
Rình môi bắt đàn dê đầu đàn!
Dê đầu đàn húc lại?
Hổ xám rình bắt dê con!
Dê con chạy nhanh
Cả đàn che chở [33].

Theo đó, cho thấy rằng thể đồng dao trẻ em Chăm là thể loại hỗn hợp câu 2, 3, 4, đến 5 tiếng đan xen nhau trong một bài đồng dao, do đó phối thanh không đồng đều và đôi khi không đối thanh, mà thường thể hiện nội dung là chủ yếu của bài đồng dao. Điều này thấy có sự giống nhau không điển hình giữa đồng dao trẻ em người Việt miền Trung và đồng dao trẻ em Chăm.

Có thể nhận thấy trong đồng dao trẻ em Chăm và trẻ em Việt miền Trung vẫn có sự tương đồng nhau trong thể 4 tiếng, có đan xen 3 tiếng/câu, khi ấy vấn đề nhịp điệu vẫn được xem là có sự tương đồng nhau và cả vần lưng cũng được thể hiện. Đồng dao trẻ em Việt có nhịp 2/2, 2/4, 3/3,... thì đồng dao trẻ em Chăm vẫn có các loại nhịp như vậy.

Ví dụ: nhịp 2/3, 3/3 đan xen nhau:

- Ppok jaung / Đaung đak
Cadak mưhlei
Lisei hwak / Ia mưhum
Tum rideh / **Tataih ia** bilan
Pôk jong / cong thẳng
Bắn bông / cơm ăn ước uống
Tum xe tròn / Hết quãng trắng

³³ Đồng dao được đọc cùng với trò chơi *Đàn dê lên rừng*.

Cá dưới sông / Cọp trong rừng ...

Hoặc nhịp 3/3:

- *Japlwai lwai ia / Muja hwa gaiy*
Pan di lai / Cabauh di gong
Ong Dom Xong / Anak maik Japlwai
Japlôi lội nước / Chồn kéo ghe
Nắm lấy cẳng / Quăng vào cột
Ông Dom Song / Trước mặt mẹ Japlôi.
(...)

Một số bài đồng dao trẻ em Chăm và trẻ em Việt miền Trung tuy về thể đồng dao có khác nhau, nội dung thể hiện khác nhau trong sử dụng lời ăn tiếng nói, nhưng tựu trung phản ánh các sinh hoạt thường ngày của trẻ em nên vẫn có sự tương đồng nhau trong cách thể hiện trò chơi, như các sự vật và hiện tượng chung quanh các em trong nhà, xóm, làng được phản ánh, hoặc đọc lời đồng dao cho nhau nghe trong những giờ vui chơi.

Ví dụ bài đồng dao sau đây của trẻ em Chăm có cách thể hiện *đổi đáp* giống với trẻ em Việt như bài *Rồng rắn lên cây* (chỉ giống hình thức đổi đáp nhau mà thôi, còn nội dung phản ánh lại khác):

Cò ơi sao mày ốm nhom? Do tôm không nôi
Tôm ơi sao mày không nôi? Bởi cỏ quá nhiều
Cỏ ơi sao lại mọc nhiều? Trâu chẳng chịu ăn
Trâu ơi sao chẳng chịu ăn? Thằng cộc không mở
Cộc ơi sao mày không mở? Thằng Sứt không chẵn
Sứt ơi sao mày không chẵn? Bởi đau bụng
Bụng ơi sao lại kêu đau? Do còm sống
Còm ơi sao mi lại sống? Bởi củi mục
Củi ơi sao mi ướt mục? Mưa phèn dầm dề
Mưa nhé sao mãi dầm dề? Lũ nhái kêu la
Nhái ơi sao bay kêu la? Bởi trời sinh ra ta đã vậy.
(**Kauk** hagait hu lavang? Hadang o **đong**)

Hadang hagait o **đong**? Harok ralo
Harok hagait hư ralo? **Kabaw o bbong**
Kabaw hagait o bbong? Jamong o talaih
Jamong hagait **o talaih**? Jabbaih o glong
Jabbaih hagait o glong? Tian pađik
Tian hagait hư paik? Lisei mutah
Lisei **hagait** hư mutah? Nhjuh bauk
Nhjuh hagait hư bauk? **Hajan tathaiy**
Hận hagait hư **tathaiy**? Kiep cadu
Kiep hagait hư cadu? Ywa lingik padauk kou you nan.)

Bài đồng dao sau đây của trẻ em Việt miền Trung có hình thức
trò chơi hỏi đáp tương đồng nhau:

*-Rông rấn lên cây
Cây có bóng mát
Có bà chủ nhà không?
Không!
Có bà chủ nhà không?
Không!
Có bà chủ nhà không?
Có!
Cho xin tí lửa?
Lửa tắt!
Cho xin cái quạt?
Quạt chưa mua!
Cho xin cái đũa?
Cái đũa đựng trâu!
Cho xin cái đầu?
Đầu cứng!
Cho xin khúc giữa?
Giữa xương!
Cho xin cái đuôi?*

Đuôi mềm! Bắt được cái đuôi thì ăn! [³⁴]

Trong điều kiện sưu tầm số lượng đồng dao trẻ em người Việt miền Trung và trẻ em Chăm còn lại không nhiều, chúng tôi khảo sát 20 đơn vị đồng dao như vậy chưa nói lên được sự giao thoa, tiếp biến lẫn nhau, do đó vẫn chưa phong phú trong cách thể hiện tìm ra nét tương đồng mang tính phổ biến được. Trong đồng dao trẻ em Việt và trẻ em Chăm môi trường tự nhiên, các loài thú luôn là chủ đề phản ánh, ngợi khen hoặc phê phán, bởi đây là môi trường mà các em thường xuyên tiếp xúc khi còn nhỏ. Chính vì vậy trong đồng dao của các em thường phản ánh thiên nhiên, con người ở mức độ tiếp cận nhẹ nhàng, chưa sâu sắc, chưa mang tính triết lý hay tư duy lô gích về sự vật và hiện tượng thiên nhiên, con người một cách đầy đủ các thuộc tính vốn có. Tuy nhiên, qua đây cho thấy có yếu tố tương đồng dễ nhìn thấy trong đồng dao trẻ em người Việt miền Trung và trẻ em người Chăm.

Về vần điệu có thể nhìn thấy các em bỏ vần lưng, cho dễ đọc, dễ nhớ. Ví dụ bài đồng dao trẻ em Chăm:

-(**Kauk** hagait hur lavang? Hadang *o dong*
Hadang hagait *o dong*? Harok *ralo*
Harok hagait hur *ralo*? Kabaw o **bbong**)
Cò ơi sao mà ồm nôm? Do tôm không nôm
Tôm ơi sao mà không nôm? Bởi cỏ quá nhiều
Cỏ ơi sao lại mọc nhiều? Trâu chẳng chịu ăn
Trâu ơi sao chẳng chịu ăn? Thằng cộc không mở
(...)

Hoặc sự tương đồng về vần có thể gặp trong một số bài gieo vần lưng. Bài đồng dao trẻ em Chăm:

Munuk cei *you*
Katrou cei sa bai
Jah glai pala ritak

³⁴ Đồng dao được chuyển thành trò chơi *Rồng rắn lên cây*.

Ritak cei vei vei.

Bài đồng dao trẻ em Việt:

-Trời mưa lâm râm

Cây trâm có trái

Con gái có duyên

Đồng tiền có lỗ

Bán tổ thiệt ngon

Bánh bèo/hòn thiệt béo

Cái kéo thợ may

Cái cày làm ruộng

Cái xuồng đắp bờ

Cái lò thả cá

Cái ná bắn chim

Cây kim may áo

Cái giáo đi săn

Cái khăn bịt đầu

Cái cầu đi chợ

Có vợ đàn ông

Có chồng con gái

Có trái mù u

Có khu bà già ^[35]

Có cha con nít.

Kiểu vần này tạo thành nhịp đôi cho cả bài đồng dao, tương thích với trò chơi có bước đi của trẻ em, hoặc có thể hươ tay lên làm dấu hiệu biểu tượng, vừa hát đồng dao vừa nhảy, vỗ tay làm cho cuộc chơi phối hợp bài bản, trò diễn, nhịp điệu thể hiện được chức năng của đồng dao thêm sinh động, vui tươi theo kiểu vần chân.

Cim cak cak

Padai bak jak

Lac bak li-i

Hajan klor ni.

³⁵ Khu: (phương ngữ xứ Quảng) là cái đít.

Đồng dao trẻ em người Việt miền Trung và người Chăm thường thể hiện chức năng giúp các em nhận biết sự vật và hiện tượng xảy ra trong tự nhiên, xã hội và cuộc sống chung quanh. Nội dung giúp nhận biết thường đơn giản về một sự vật hoặc hiện tượng nào đó, mối quan hệ với bạn bè, anh chị em trong gia đình và đôi khi quan hệ với xã hội nhưng vẫn với tinh thần nhẹ nhàng, đơn giản phổ biến. Đây là nét chung thường gặp trong đồng dao trẻ em người Việt – Chăm. Thí dụ nhận biết:

*-Trời mưa lâm râm
Cây trâm có trái
Con gái có duyên
Đồng tiền có lỗ
Bánh tổ thiệt ngon
Bánh bèo/hòn thiệt béo
Cái kéo thợ may
Cái cày làm ruộng
Cái xuống đắp bờ
Cái lò thả cá
Cái ná bắn chim (...)*

hoặc bài đồng dao trẻ em Chăm, thể hiện sự nhận biết:

*-Cim cauh ritaung
Cim jhaung ikan
Cim rwak tian
Cim jauh angwa
Cang ai ka
Tamur sang swor
Đa bhiw savah
Mưk ba por
Ngauk hala padai
Cim nau mai
Cim vaiy cabbwoc
Jalan ia đwoc
(...)*

*Chim bói cá
Ăn cá lòng tong
Chim đi sông
Chim đuổi cáng
Vô nhà táng [³⁶]
Rời tổ lià cành
Nhớ chờ anh
E lữ ó
Thộp cổ mang đi
Trên cánh đồng
Chim qua lại
Méo mỏ chim
(...)*

*- Công bằng làng Chung Mỹ
Rành lệ làng Bàu Trúc
Hữu Đức hay thơ văn
Khó khăn làng Vụ Bản
Chộn rộn xứ Văn Lâm
Ngang tàng làng Phát Thế
Khốn khó vùng Labok
Vô lo dân Hiếu Thiện
Lắm chuyện người Nghĩa Lập
Đỗ dòn đập về Thành Tín
Thâu gọn ở Caklaing. [³⁷]*

Trên, chính là tạo điều kiện cho trẻ em nhận biết những đặc điểm tự nhiên, loài vật, xã hội con người, đôi khi nhận biết các phong tục, tập quán liên quan đến đời sống người dân.

2. Thơ ca dân gian

Thơ ca dân gian mang tính nguyên hợp, hình thành từ trong môi trường lao động, trong quan hệ xã hội, quan niệm tâm linh. Thơ ca

³⁶ sang swoc: nhà táng đem đốt với thi hài trong ngày đám tang của người Chăm Balamôn.

³⁷ Là làng Mỹ Nghiệp.

dân gian có nhiều điểm tương đồng với dân ca và thường thể hiện gắn với âm nhạc và múa dân gian. Người Chăm cũng có hò hát và múa dân gian. Bởi xét cho cùng *thơ* là loại hình văn học bao gồm nhiều thể loại: thơ lục bát, song thất lục bát, lục bát biến thể, hoặc thơ Đường luật, thơ ngũ ngôn,...; *ca* là ca lời thơ thành những làn điệu mang cung bậc khác nhau. Do đó, thơ ca dân gian thường được diễn xướng trong môi trường dân gian. Vậy, *thơ ca dân gian là những bài thơ do quần chúng bình dân sáng tạo nên và được ca lên bằng những làn điệu với nhiều cung bậc khác nhau, biểu hiện tình cảm của tầng lớp bình dân*. Với cách hiểu này, chúng tôi khảo sát thơ ca dân gian dưới góc nhìn văn học, phần âm nhạc dân gian, tức phần *ca*, chúng tôi tách ra khảo sát trong các làn điệu dân ca ở một phần riêng. Ví dụ:

Lời thơ dân gian:

- Trèo lên dốc ngược nhọc nhằn
Mưa tuôn nắng cháy, vững bền vượt lên.

Lời ca/hò dân gian:

- *Khoan ơ khoan. Khoan hò khoan*
Trèo lên khoan hò khoan dốc ngược khoan hò khoan nhọc nhằn khoan hò khoan
Mưa tuôn khoan hò khoan nắng cháy khoan hò khoan vững bền khoan hò khoan vượt lên khoan hò khoan là hố.

Hoặc, lời thơ dân gian (biến thể):

- Con ghé xe
Mình chăm ngược cho gặt
Bắt ngược cho hay
Lên bằng mà nghỉ con hè ?

Lời ca dân gian:

- *Con ghé xe*
Mình chăm ngược cho gặt
Bắt ngược cho hay
Lô lô chăm lô
Lên bằng mà nghỉ con hè ?

Trong mục 5. thơ ca dân gian này, chúng tôi chỉ khảo sát phần *thơ dân gian*, có sự tương đồng với thể *thơ dân gian* của người Chăm ?

Liệu chúng ta có giao thoa với văn hoá Chăm trong nghệ thuật thơ ca dân gian, đặc biệt là trong âm nhạc và thơ lục bát. Trong “Đôi lời mở đầu” cuộc Hội thảo “Văn hoá biển miền Trung và văn hoá biển Tây Nam bộ”, GS.TSKH.Tô Ngọc Thanh đã nhắc lại nhận định của cố GS. Trần Quốc Vượng, rằng “tổ chức lãnh thổ của người Chăm nhìn từ núi xuống là: *đền tháp – trung tâm tâm linh; thành quách – trung tâm quyền lực; cảng thị – trung tâm giao thương*. Ông cũng lưu ý rằng tuy có chung một mô hình tổ chức lãnh thổ nhưng do điều kiện địa lý cụ thể của từng đơn vị xã hội mà ông gọi là *mandala* sẽ có những sắc thái khác nhau. Như vậy, có thể phải xem xét văn hoá Chăm trên vùng đất này thông qua những biểu hiện cụ thể của văn hoá từng *mandala*”.

“Và từ đó tìm hiểu những dáng vẻ, độ nông sâu khác nhau của mối quan hệ giao lưu văn hoá Chăm – Việt trong khuôn khổ sắc thái văn hoá từng *mandala*, tức là nhìn nhận vấn đề một cách định lượng. Nhờ đó, khắc phục dần lối nói chung chung rằng ở vùng đất này đã diễn ra sự giao lưu văn hoá...Lâu nay phổ biến một nhận xét rằng sắc thái âm điệu chơi vui, man mác của hò mái nhì, hò mái đẩy là kết quả tiếp biến từ văn hoá âm nhạc Chăm. Tuy nhiên cho đến nay chưa ai chứng minh được rằng cái sắc thái ấy ảnh hưởng cụ thể từ thang âm nào của bài nào, thể loại nào trong âm nhạc cổ truyền Chăm”^[38]. Với cách hiểu như vậy, loại hình thơ ca dân gian, trong đó thể loại thơ lục bát của người Việt có ảnh hưởng từ người Chăm?.

Nhiều ý kiến cho rằng thể thơ lục bát của người Việt có ảnh hưởng thơ lục bát người Chăm. Trong bài viết đăng trên ấn phẩm

³⁸ GS.TSKH. Tô Ngọc Thanh, Chủ tịch Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam trong *Đôi lời nói đầu* của tác phẩm *Văn hoá biển miền Trung và văn hoá biển Tây Nam bộ*, Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam, Viện nghiên cứu văn hoá, Sở Văn hoá Thông tin Quảng Ngãi, Hội Văn học nghệ thuật Kiên Giang, NXB.Từ điển bách khoa, Hn, 2008. Tr.13.

Diệu Âm [39], tác giả Võ Long Tê có bài “*Quan điểm lịch sử và thẩm mỹ về thể thơ lục bát*” đặt vấn đề, rằng: thể lục bát có phải là một thể thơ tiêu biểu cho thi pháp Việt Nam hay không? Và bài viết tìm về nguồn gốc thể lục bát. “Các học giả không đồng ý kiến về nguồn gốc thể lục bát. Có người chủ trương thể lục bát xuất xứ từ thi pháp Trung Hoa, có người nhận xét đó là một thể thơ chung cho nhiều dân tộc ở Đông Nam Á, nhưng phần nhiều đều quả quyết đó là một thành tích sáng tạo của dân tộc Việt”. Và bài viết cho rằng những người chủ trương thể thơ lục bát là một thi điệu Trung Hoa chưa từng nêu ra một thi phẩm nào của Trung Hoa làm bằng chứng mà chỉ viện dẫn mấy câu trong Kinh dịch và Tổng sử [40]. Có ý kiến cho rằng câu trong Kinh dịch gượng ép mà thành thể lục bát “theo lối cú điệu xưa nó tách rời ra thành từng câu chứ không đọc liền một hơi như lối đọc lục bát [41].

Người Trung Hoa lấy làm ngạc nhiên trước thể thơ lục bát của Việt Nam, điều này đã được Nguyễn Huy Ánh viết trong tập *Nhật trình Bắc sử* bằng tiếng Hán. Theo lời Phạm Đình Toái trong bài tựa sách dịch thiên *Nguyệt Lãm* trong Kinh Lễ nói rằng “người Trung Hoa tới chơi nước ta lấy đọc thì không ai không khen phục” [42]. Như thế, để biết rằng người Việt đã sáng tạo ra thể thơ lục bát được xem là thể thơ dân tộc thì đã rõ.

Tuy nhiên khi người Việt miền Trung vào phương Nam nắng gió khai mở thêm đất đai, định cư lập nghiệp lâu dài, liệu rằng loại thơ lục bát thể hiện trong ca dao có ảnh hưởng sang người Chăm, hay người Chăm đã giao thoa với người Việt thể loại thơ này? Đây là vấn đề nhiều nhà nghiên cứu đã nêu ra! Thể thơ lục bát và thi pháp người

³⁹ *Diệu Âm*, Đặc san của chùa Quán Thế Âm – Ngũ Hành Sơn, NXB. Đà Nẵng 4-2011.

⁴⁰ Trong Kinh dịch: *Lục tam: hành chương khả trình/Hoặc tòng vương sự vô thành hữu chung*. (Hào sáu ba: ngậm vẻ sáng đẹp có thể chính bền/Kẻ theo việc nhà vua, không nên công cũng được trọn vẹn. Theo Bửu Cầm: *Ca dao, nền tảng văn học dân tộc*. Nội san Viện khảo cổ, số 2, Sài Gòn, tháng 3-1956, bản in roneo. Trong Tổng sử: *Đế vị Thái Xác hữu công/Sử chi tông sự Triết tông miếu đường*. (Vua bảo rằng Thái Xác có công/. Cho được thờ chung ở miếu vua Triết tông. Theo Lam Giang: *Khảo luận luật thơ*. Tân Việt, Sài Gòn, 1958.

⁴¹ *Thử tìm cái đẹp trong ca dao*, Sơn Tùng, Tiểu thuyết Thứ bảy, loại mới, số 10, Hà Nội, 4.6.1949.

⁴² *Đại Nam quốc sử diễn ca*, Hoàng Xuân Hãn, Trường Thi xuất bản lần ba, Sài Gòn 1956.

Việt, người Chăm, người Thái Lan ở vùng Đông Nam Á có gặp nhau để giao thoa không?

Người Việt đã sáng tạo ra thể thơ lục bát như đã chứng minh ở trên, tuy nhiên cũng cần xem xét trong phạm vi vùng Đông Nam Á với văn hoá Sa Huỳnh, Đông Sơn, Óc Eo, có ảnh hưởng của văn hoá Trung Hoa và Ấn Độ, câu thơ lục bát của người Việt giao thoa thể nào trong bối cảnh Đông Nam Á. Ngoài người Việt thì người Chăm, người Thái họ cũng dùng thể thơ lục bát. Nghiêm Thẩm trong Tạp chí nguyệt san *Quê Hương* [43] có bài: *Sự tồn tại của bản chất Anh-đô-nê-diêng trong nền văn hoá Việt Nam*, viết rằng các nhà sử học Thái Lan cho rằng họ cũng có thể thơ lục bát. Và cũng trong bài viết này về thơ lục bát của người Chăm, Nghiêm Thẩm cho rằng “Nếu ta nghiên cứu về văn chương Chăm, ta thấy người Chăm rất ưa dùng thể lục bát. Nhưng trong lục bát Chăm, *chữ cuối câu sáu vần với chữ thứ tư câu tám*. Nhưng hiện nay văn chương Chăm chưa được khảo cứu tường tận nên ta không biết rõ là người Chăm lấy thể thơ lục bát của người Việt Nam hay là người Việt Nam đã lấy thơ của người Chăm”. Vấn đề sự giao thoa, ảnh hưởng thể thơ lục bát Việt – Chăm hay Chăm – Việt, nhiều nhà nghiên cứu văn hoá, ngôn ngữ, văn học có đưa ra nhận định ngược chiều nhau, tuy nhiên căn cứ vào các công trình biên khảo của các học giả Nghiêm Thẩm, Nguyễn Khắc Ngữ, Phạm Duy, Vũ Lang,... và sự so sánh đối chiếu của chúng tôi, cho biết, câu thơ lục bát của người Chăm gieo vần *tại chữ thứ tư* trong câu tám.

- *Thây thâu ca chang câu ca,*
Ddâm pát tì la mưng thâu cá trang [44]

Dịch: -*Nỗi lòng ai biết cho không,*
Rau mọc giữa dòng trong dạ ai hay?

Trong cuốn “*Đặc khảo về dân nhạc Việt Nam*” xuất bản năm 1972 tại Sài Gòn, Nhạc sỹ Phạm Duy cho rằng người Chăm cũng có

⁴³ Tạp chí *Quê Hương*, Sài Gòn, tháng 6-1962.

⁴⁴ Ảnh hưởng văn hoá Chăm qua Việt Nam, in trong Văn hoá nguyệt san, số 25, Sài Gòn tháng 10-1957, dịch theo thể lục bát: *Nỗi lòng ai biết cho đây/Rau kia dưới nước dạ này thấu chăng.*

thể thơ lục bát và được lồng các làn điệu vào để trở thành dân ca và Phạm Duy đã công bố một bài dân ca theo thể thơ lục bát người Chăm, phương thức gieo vần ở chữ thứ sáu câu lục vần với chữ thứ tư câu bát, giống với cách gieo vần của người Việt cổ [45]

- *Thây mai mừng đêh thay ô,
Droh phik kaau lô yom tha urang,
Chek tian mừng asit dih đang
Mai hu ka urang oan lô lingik!* [46]

Dịch: - *Ai đến từ đàng kia, ai đó,
Đẹp lòng ta hình như một người.
Mà ta đã nếm yêu từ khi còn ẵm ngửa,
Nay đã thuộc về người khác rồi, tiếc quá trời ơi !*

Ngôn ngữ Chăm là loại hình ngôn ngữ đa âm tiết, khác với đơn âm của người Việt nên ca dao Chăm khác với ca dao Việt, tuy nhiên, thẳng trong lời ăn tiếng nói dân gian vẫn có trường hợp giao thoa, tương đồng nhau trong cách gieo vần giữa cặp lục bát Chăm với cặp lục bát Việt:

Cặp lục bát Chăm:

- *Mai baik dei brei pha crong
Tangin dei tapong kauk luk munhuk
Bbuk ai tarung yuw harok
Tangin dei pok nhjwoh yuw tathi
(Về đi em cho đui gác
Bàn tay em vuốt, đầu xúc đầu thơm
Tóc anh bù rối như rơm
Tay em vuốt thì mượt như lược chải).*

Cặp lục bát Việt:

⁴⁵ *Nguồn gốc dân tộc Việt Nam*, Đào Duy Anh, NXB Thế giới ở trang 22-23, cho rằng: người Việt xưa có lẽ là một chi nhánh của chủng tộc Indonesien, sống rải rác thời thái cổ thuộc vùng Đông Nam Á, từ miền A Xam phía bắc Ấn Độ, qua miền Hoa Nam đến quần đảo Nam Dương, hiện nay vẫn còn di tích nền văn hoá cổ.

⁴⁶ *Nhạc Chăm còn lại*, Phạm Duy trong Tạp chí nguyệt san Vạn Hạnh, số 4, Sài Gòn tháng 9-1965, tr. 74, 79. Dịch: *Kia ai đi đến từ xa/Thật giống lòng ta như thể một người/Thâm yêu từ thưở ấy thời/Cho kẻ khác rồi tiếc quá trời ơi!* Dẫn Theo Diệu Âm. In lại trong cuốn *Đặc khảo về dân nhạc Việt Nam*, Sài Gòn, 1972.

- Tò vò mà nuôi con *nhện*
Ngày sau nó lớn nó *quện* nhau đi
Tò vò ngồi khóc tỉ *tỉ*
Nhện ơi nhện hỡi, nhện *đi* đường nào ?

Đặc điểm khác nhau giữa câu ca dao lục bát người Việt với người Chăm về phân phối vần, trong ariya Chăm, vần trắc (t) tồn tại khá bình đẳng với vần bằng (b), sự phân phối chen kẽ nhau, nghĩa là một câu hiệp vần bằng, liền sau đó là câu hiệp vần trắc. Đối chiếu bài ca dao Việt « Tò vò » nêu trên với bài ca dao Chăm sau đây, ta thấy có sự tương đồng về phương thức hiệp vần.

-Limun **toi** Ba Lai Bal Huh
Bal giơh ginuh bhap illimo
Bal đwa danuh khak bilo
Xanak ginroh ralo halei jang o bboh.

Gần đây, trong Tạp chí **Champaka**, số 1 năm 1999, có in bài Trường ca Chăm Bà-ni (Ariya Cam Bini) của nhà nghiên cứu văn hoá Chăm, ông Fatimah là thành viên của chương trình Thế giới Mã Lai – Đông Dương, giới thiệu 118 câu thơ lục bát, gieo vần giống như cách gieo vần câu thơ lục bát của người Việt xưa [47]. Còn trong trường ca *Hbia tà lúi – kalipu* của người Chăm ở Phú Yên, chúng tôi thấy trong trường ca/ariya này có số câu dài ngắn khác nhau (câu dài nhất 23 từ, sau khi đã chuyển ngữ sang tiếng Việt), theo đó, lại không tìm thấy ảnh hưởng câu ca dao lục bát của người Việt. [48] Tuy nhiên, nếu chỉ đếm số lượng tiếng câu lục và câu bát trong ariya Chăm (sau khi chuyển ngữ sang tiếng Việt, nghĩa là đã trở thành ca dao dịch) để so sánh, đối chiếu sự giao thoa Việt – Chăm, thì không rút ra được sự giao thoa hay tương đồng. Mặt khác cũng cần xét đến, rằng tiếng Chăm là ngôn ngữ đa âm tiết, lại cho thấy khác với lục bát Việt. Điều này xét câu ca dao Chăm trong hai trường hợp như các nhà nghiên cứu đã thực hiện để có sự so sánh:

⁴⁷ Xem: *Xứ Chăm và văn hoá Chăm Việt*, bài viết của Trần Thục Hiền.

⁴⁸ Xem: *Trường ca Hbia tà lúi – kalipu*, Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam, Ka Sô Liêng, sưu tầm, biên dịch, giới thiệu, NXB. Văn hóa dân tộc, 2011, phần dịch sang tiếng Việt từ trang 419 – 740.

+ Bằng cách đếm âm tiết, không tùy thuộc vào lượng chữ, ta thấy câu lục sáu âm tiết, câu bát tám âm tiết (trong câu, có một hình vị, chứa hai âm tiết). Ví dụ:

Câu ca dao:

-Cam saung Bini ke kan

1 2 3-4 5 6

Mu sa karan ia sa bilauk

1 2 3-4 5 6 7-8

Câu chêm ngôn Pauh Catwai

- Tabur xanung twei đoy

1-2 3-4 5 6

Wak Pauh Catwai twei bauh akhar

1 2 3-4 5 6 7-8

Cách đếm âm tiết này theo lời ăn tiếng nói Chăm có mặt trong thể loại trữ tình như Ariya Cam Bini, Ariya Xah **Pakei**, hoặc những câu chêm ngôn như Pauh Catwai, Muk Thruh Palei và có mặt trong hầu hết các sáng tác dân gian người Chăm.

+ Bằng cách đếm theo lượng trọng âm, ta thấy có hiện tượng đọc lướt, nén chữ hay nuốt âm là một trong những thuộc tính của ngôn ngữ đa âm tiết. Do đó trong các sử thi như Akayet Dewa Munno, Akayet Um Murup, Akayet **Inra** Patra hay các bài ca mang tính triết lý, thể loại ariya chỉ được tính theo lượng trọng âm của từ đa âm tiết, một số hư từ cũng bị lướt bớt, không tính từng âm tiết như trường hợp đầu. Ví dụ :

- Akayet si panuh twor tabiak

1-2 3 4 5 6

Ppadong num ka ratwok Rija Dewa Munno

1 2 3 4 5 6 7-8

(Akayet Dewa Munno)

-Glong anak linhaiy likuk jang o hu

1 0-2 0-3 0-4 5 0 6

Bhian drap ngap ralo pioh hapak khing ka thraung

1 2 3 0-4 5 0-6 7 0 8
(Ariya Glong Anak)

Như thế, cho dù dùng phương pháp đếm âm tiết hay đếm trọng âm trong câu ca dao lục bát, ta vẫn thấy có sự tương đồng, giao thoa nhau giữa câu ca dao người Việt và người Chăm.

Trong bài viết: «*Bước Tiến trong nghiên cứu văn minh Chăm – văn học Chăm*» của Nguyễn Đức Hiệp (Sydney Australia) khi bàn về *Văn học dân gian Chăm* của Inrasara, trong tác phẩm *Văn học Chăm – khái luận*, phát biểu rằng: thể thơ Ariya/trường ca tương tự như thơ lục bát Việt Nam và Inrasara cho thấy qua đối chiếu và phân tích sơ bộ, lục bát Việt và *ariya* Chăm có rất nhiều điểm giống nhau. Trong đó, phần giống nhất là nhịp điệu của câu thơ. Thể thơ ariya thể hiện trong các tác phẩm trữ tình của người Chăm có phần tương tự như các tác phẩm Bích Câu kỳ ngộ, Lục Vân Tiên hay Truyện Kiều của người Việt.^[49]

Có thể nói rằng, trong quá trình giao lưu, quan hệ qua lại nhau, người Việt miền Trung đã có sự trao truyền thơ ca dân gian từ Việt sang Chăm (lấy ca dao lục bát để khảo sát), phần nhiều tìm thấy trong ca dao đã được chuyển ngữ sang tiếng Việt. Mặt khác, chúng ta còn tìm thấy thể thơ lục bát biến thể có sự gặp nhau giữa văn học dân gian Việt – Chăm.

3. Truyện kể dân gian Chăm

3.1. Thần thoại

Thần thoại là một trong những thể loại truyện kể ra đời sớm khi loài người chưa thoát ra khỏi cuộc sống hoang sơ, chưa hiểu và chưa đủ khả năng chinh phục các sức mạnh của tự nhiên. Con người trong cuộc đấu tranh để sinh tồn, muốn giải thích các hiện tượng tự nhiên tác động vào cuộc sống thế nào, để tự khẳng định mình là sinh vật đẳng cấp trong thế giới tự nhiên, và đồng thời để thể hiện những khát vọng của mình,... được biểu hiện bằng hình thức đầu tiên là truyện kể dân gian. Truyện tập trung khát vọng giải thích sức mạnh

⁴⁹ Đến nay mà nói, chưa có công trình nghiên cứu văn học nào khảo sát chứng minh và đưa ra đầy đủ sự giao thoa qua lại giữa thể thơ lục bát người Việt với người Chăm một cách cụ thể và rõ ràng.

tự nhiên, trong đó có chức năng của các vị thần, về những nhân vật anh hùng, những nhân vật được nhân dân suy tôn thành thần. Với khát vọng giải thích các hiện tượng tự nhiên, trong tư duy sơ khai của loài người thời hoang sơ hình thành nên sự sợ hãi, bị thiên nhiên khuất phục, loài người mượn hình tượng các vị thần và gán cho lực lượng này lời giải thích về nguồn gốc vũ trụ, con người, về thế giới tự nhiên, về giải thích sự ra đời của muôn loài và sự hình thành các tộc người bằng trí tưởng tượng của người nguyên thủy.^[50] Karl Mark phát biểu về thần thoại: “*Bất cứ thần thoại nào cũng dùng tưởng tượng và mượn tưởng tượng để chinh phục sức tự nhiên, và hình tượng hóa các sức mạnh tự nhiên*”. Như thế thần thoại là những lý giải các hiện tượng tự nhiên và là lòng tin của con người về sự hình thành các hiện tượng trong thế giới tự nhiên.

Thần thoại là một hình thái ý thức nguyên hợp, đa chức năng. Thần thoại là khoa học, là nghệ thuật vô ý thức, đồng thời còn là tín ngưỡng, tôn giáo của người nguyên thủy. Cũng như các dân tộc khác, thần thoại Chăm ra đời từ rất sớm và vì nhiều lý do khác nhau, đến nay thần thoại Chăm cũng như Việt còn lại rất ít. Có thể nói những gì còn lại hiện nay cho ta thấy đó chỉ là những mảnh vụn của một hệ thống thần thoại đã bị thất truyền. Việc sưu tầm đầy đủ các truyện thần thoại Chăm, Việt là một việc làm khó khăn. Những truyện kể sưu tầm, ghi chép lại cho chúng ta cũng có thể thấy được phần nào quan niệm của người Việt và người Chăm về việc giải thích nguồn gốc vũ trụ, mặt trời, mặt trăng, về các hiện tượng tự nhiên: sự luân chuyển của ngày và đêm, nhật thực, nguyệt thực,... Những truyện thần thoại tiêu biểu của người Chăm ngày nay chúng ta còn tiếp cận được:

Trong những truyện kể Chăm sưu tầm được, có các truyện được xếp vào thần thoại là:

*Chỉ cần một gáo nước trời.
Sự tích gà gáy sáng*

⁵⁰ Khái niệm « thần » đã mang yếu tố thần bí, kỳ ảo và hoang đường. Chính vì thế mà thuật ngữ quốc tế gọi thần thoại là mythologic. “Thần thoại” là Mythologic, gồm 2 chữ Mythos (hoang đường) logic (khoa học).

Nữ thần Pô Nagar
Chàng Cuội cây đa.

- *Chỉ cần một gáo nước trời*: Đây là truyện kể có cốt truyện đơn giản, tuyến tính. Nội dung truyện lý giải hiện tượng mặt đất bị ngập lụt là do chàng trai đã đổ cả lu nước trời, làm cho mặt đất bị ngập lụt.

- *Sự tích gà gáy sáng*: Thần thoại này có cốt truyện nhiều tình tiết hơn. Truyện kể lúc đầu vũ trụ có nhiều mặt trời sau đó chỉ còn lại một. Trong truyện này bao gồm hai motyp: motyp nhiều mặt trời chỉ còn lại một; motyp giải thích lý do tại sao gà trống gáy thì trời sáng và tại sao người Chăm không dùng thịt vịt để cúng thần linh (suy nguyên).

- *Nữ thần Po Nugar* ^[51] là một những thần thoại nguyên thủy của người Chăm. Truyện rằng: Thuở sơ khai, vũ trụ có mười hai mặt trời, trời thì thấp, đất còn mỏng manh và chưa có người. Mãi tới giờ thứ ba, ngày thứ hai, tháng sáu, năm con Chuột theo lịch Chăm, bà Át-mê-hư-cắt mới bắt đầu trông coi vạn vật. Vì nóng do nhiều mặt trời, thánh Nơ-mai-sơ-bai-ca-dong, giương cung bắn tan các mặt trời. Vũ trụ trở nên tối tăm.

Ngày thứ hai, mồng sáu, tháng năm, năm con Chuột, ông **Aulwah** thụ sắc của bà Át-mê-hư-cắt, từ trong cõi hư tối ra đời. Sau mười năm tu luyện, ông đã thành công trong việc tạo thiên lập địa lại cho sáng sủa hơn. Ông hoá ra ông Mu-hăm-mách. Ông Mu-hăm-mách sinh ra ông Đibraiel. Ông Đibraiel sinh ra Ibarmamimbur trị vì đất đai của **Aulwah**. Lúc ấy ông A Tầm và bà Hao Oa vì mắc tội, nên bị trời đày xuống trần gian. Hai ông bà mất, tất cả tiêu tan hết, chỉ còn lại một cây Môsi vôi vọi, cao lớn.

Ngày thứ ba, mồng sáu, tháng hai, năm con trâu, **Aulwah** (tức ông **Kuk**) lại từ trong cây Môsi ra đời. Ông lại lo khai quang trời đất và tái tạo muôn vật. Trước hết ông làm ra loài cá và các loài vật sống

⁵¹ Tên gọi đầy đủ của nữ thần là Po Yang Inur Nugar (nguyên văn các từ có nghĩa: Po: ngài, Yang: Thần, Inur: mẹ đã qua đời, Nugar: xứ sở)

dưới nước. Tiếp đến, ông làm ra cây cỏ và thú vật. Kế đến ông làm ra ma quỷ và con người. Bấy giờ, vật và người sống lẫn lộn, có xác mà không hồn. Đến năm con Dê, ông **Kuk** sai người con gái đầu lòng tên là Mụ Dụ xuống trần gian thay ông cai quản vạn vật. Mụ Dụ chính là bà Nugar.

Khi xuống trần (ngày 19 tháng 7 năm con Chuột), bà Nagar có các thần Auloá, Giamur và Têpatathor phò tá. Lúc đầu bà xuống hạt Hạ Ngâu, thuộc vùng Brama (xứ Tuy Hoà ngày nay). Ở đó, bà dựng một xóm, đặt tên là Pallaisarioana (tức xóm Bà Lài ngày nay). Sau đó bà lập đền đài ở xóm Palhucmarasaam tại Panduranga (Phan Rang). Ít lâu sau, bà dời đến Chocalau (tức núi Đại An ở Diên Khánh, tỉnh Khánh Hoà).

Thấy vũ trụ sắp đặt chưa yên, Bà Nugar sửa lại. Bà lấy một cái cân mà bầu trời là đĩa cân, đất là quả cân, mặt trời và mặt trăng là dây xích trên cân, các vị tinh tú là hoa cân giao cho các vị thánh. Sau đó, bà sắp xếp vũ trụ theo hình thân thể của bà: đầu là phương tây, chân là phương đông, mặt trời và mặt trăng là hai mắt, sao Mai là trái tim, vòng sao Mỏ Cày là cánh tay, vòng sao Bắc Đẩu là ống chân, sao Đế Thích là đầu gối. Khi bà hắng giọng lần đầu thì trời đất mở rộng ra một khoảng, Bà liền hoá ra năm gạo hồn (gạo bỏ vào hình nhân làm cho linh hồn trở thành con người), một thúng lúa và giao cho ông Giamur đem gieo ở chân trời. Rồi bà truyền cho ông Săngcala con ốc có hình như cái loa, để thổi báo hiệu, đem thổi. Trời đất, nhờ đó mà ngày càng sáng tỏ. Bà sai ông **Aulwah** làm ra thánh tự và sai hai vị thầy tu là **Imum và Katip** lo việc thờ cúng.

Đạo Isalam từ đó ra đời.

Bà lại sai ông Têpatathor lập một **Baginrac** (bàn thờ thánh tổ) và tìm hai vị tu sỹ **Po Dhya** và **Paxeh** trông coi đạo **Akaphier** (đạo Bà-la-môn).

Tục hoá táng từ đó ra đời.

Bà Nagar hăng giọng lần thứ hai, trời đất nổi sấm sét. Lần thứ ba, đất gầm thét. Lần thứ tư, biển động, rừng rung. Tiếp đó, bà và ba vị thần thổi ra bốn luồng hơi: hơi của bà thành gió bắc, của ông **Aulwah** thành gió nam, của ông Giamur thành gió tây, của ông Têpatathor thành gió đông. Xong việc, ba vị thần phò tá bà được giao những việc khác nhau: ông **Aulwah** trông coi nước Nôrôrioan ati chana (gồm các nước Chân Lạp, Chà Và, Chămpa, Cao Miên, Việt Nam). Ông lập ra một thánh tự, giao cho hai vị thầy tu Imun và Catip lo việc truyền đạo Isalam, lập nhiều chùa chiền để có nơi lễ bái, viết kinh sách để truyền dạy, lập ra lịch để mọi người biết tuổi tác, dạy dân cạo đầu và cử người đi truyền đạo khắp nơi. Ông Giamur thì ở xứ Brama và lập đền đài ở Chămrai (vùng thượng du Phú Yên). Ông được bà Nugar giao cho cái săngcala để tạo vạn vật. Ông thổi săngcala lần đầu, làm cho trời đất quang đặng; thổi lần thứ hai, làm cho loài người sinh nở, cây cối đơm hoa, kết quả; thổi lần thứ ba, thì loài người biết cảm xúc, các vật biết kêu và chim biết bay; thổi lần thứ tư thì trời sinh bốn phương; thổi lần thứ năm thì đủ tám hướng. Ông Giamur giao thóc cho loài người, dạy dân cách trồng lúa, lấy lá cây làm thuốc, đánh đá lấy lửa. Ông lại đặt ra tục lệ hằng năm. Ông Giamur sang **Mukah** (thành La Mécque), kết duyên với bà tiên, sinh ra các con: năm mươi người con gái cho xuống đồng bằng, năm mươi người con trai cho lên vùng thượng du. Ông Têpatathor thì ở vùng Panduranga. Ông lĩnh thánh tự của bà Nugar, giao cho hai thầy tu **Po Dhya và Paxeh** trông coi thờ phụng và truyền đạo Acaphiar. Sau đó, ông qua Trung Hoa dạy người Tàu cách kết tóc.

Ông Auloá truyền ngôi cho con là **Nubi Lwahuk** để đi sang Ả Rập tu hành. Vì Nupiloahu có tội nên đất nước gặp nhiều tai ách, quỷ quái phá, dân tình khổ cực. Bà Nugar động lòng, phải giáng trần, truất ngôi **Nubi Lwahuk**, bắt loài ma quỷ đầy xuống âm ti và ban phúc cho **Nubi Lwahuk** trấn áp chúng. Từ đó âm dương cách biệt. Sau đó bà Nagar cho Patao Patô lên làm vua. Được bà Smur, sứ giả của bà Nugar giúp, Patao Patô trị vì được bảy mươi năm thì về trời.

Bà Nugar bèn truyền cho ông **Awlwah** trở về làm vua. Các ông Giamur và **Debita Thor** cũng trở về phò tá. Ông Giamur coi về nghề nông và nghề cá. Ông **Awlwah** chỉnh đốn lại lịch: mỗi năm chia làm 12 tháng, mỗi tháng chia làm 30 ngày, mỗi ngày chia làm 5 giờ – 2 giờ tốt và 3 giờ xấu.

Trong lúc mọi việc đang tiến hành thì xảy ra sự bất hoà giữa bà Nagar và ông Giamur, nên ông Giamur xây được cái gì thì bà Nagar thổi đi cho hỏng. Bà Nugar lại xoay chiều ánh sáng khiến trời đất mờ dần, đem vận mệnh nước Nosorinam thất làm ba nút. Ông Giamur chán nản, còn ông **Awlwah**, bà Smur và ông Giamur sang **Mukah** tu hành. Ông **Debita Thor** sang Trung Hoa một thời gian rồi trở về Panchorang. Bà Nugar lại lên ngôi, trị nước. Bà lo xây dựng đất nước, dạy dân đóng cày cày ruộng, dùng xe trâu chuyên chở. Bà cũng lo đem thuần phong mỹ tục dạy bảo mọi người.

Mặc dù bà Nugar tận tình, nhưng bà lấy chồng trần nên bà phải chịu đọa đày, khiến dân chúng bị khổ lây. Thấy thế, ông Cú ra lệnh cho Patao Patô sai bốn vị thái tử con bà là Athun, Aly, Thun Prang và Pither xuống thay bà.

Do làm nhiều việc tốt cho dân, cho nước, nên bà Nagar được người Chăm đời đời sùng kính và thờ phụng. Hàng năm vào dịp tế Kate và vào các dịp tế lễ khác, dân chúng đều mang nhang, đèn, hoa quả, cỗ bàn đến cúng lễ nơi đền của bà rất đông. ^[52]

Xét thần thoại “*Thằng Cuội với cung trăng*” của người Việt với “*Chàng Cuội cây đa*” và truyện “*Hàng Nga*” của người Chăm, sau đây cho biết về sự giao thoa, tiếp biến các yếu tố dân gian trong cốt truyện:

Truyện “Thằng Cuội với cung trăng” của người Việt:

⁵² Theo *Non nước Bình Thuận – Phan Rang*, Nguyễn Đình Tư, Sông Mới xuất bản, Sài Gòn, 1974. Dẫn theo *Địa danh Khánh Hoà xưa và nay*, Hội VNDG Việt Nam-Ngô Văn Ban-NXB. VHTT, 2010. Tr. 481-485.

*“Thằng Cuội ở giữa mặt trăng
Cầm rìu cầm rựa đón sáng kiềng kiềng”*

“Những đêm trăng sáng, nhìn lên mặt trăng, người Việt như nhìn thấy hình ảnh một anh chàng ngồi dưới bóng một cây đa tươi tốt. Người ta gọi đó là “Thằng Cuội ngồi gốc cây đa”. Sự tích Thằng Cuội như sau đây:

“Một hôm Cuội vào đốn củi ở trong rừng, ló dờ gặp ngay một ổ bốn con hổ con, tiện tay cầm rìu, Cuội đập chết liền, nhưng chợt nghe tiếng hổ rống ở đằng xa, Cuội biết hổ mẹ đã về, sợ quá, vội leo tót lên ngọn cây ở kề bên. Cuội đã yên thân, mới dám cúi xuống nhìn thì thấy hổ mẹ đang lòng lộn buông ra những tiếng gầm rùng rợn. Rồi hổ mẹ im và đi về phía bờ suối ở bên trái. Cuội ráng hết sức nhìn theo thấy hổ mẹ đến gần một cây, giống như cây đa nhỏ, hổ nhảy lên mấy bận, mỗi bận đớp được một ít lá, sau ngậm lá đem về ổ, nhai dừ mớm cho con, chỉ một lát sống lại cả bốn, xong xuôi mẹ con đàn hổ cùng dắt díu nhau đi.

“Cuội vội vàng tụt xuống, ra bờ suối đào gốc cây quý ấy, giữ đủ cành lá, rễ con, rễ cái vác về. Cuội giồng cây ấy ở vườn sau, và từ đây trở đi làm thuốc cứu người, dù ai đã nhắm mắt, tắt hơi, Cuội chỉ nhai một ít lá mớm cho là y như sống lại.

“Lẽ cố nhiên, Cuội quý cây hồi sinh ấy lắm, ngày nào trước khi vào rừng đốn củi cũng dặn vợ: “Có đáì thì đáì bên tây, chớ đáì bên đông cây đông lên trời”. Dặn đi dặn lại, dặn mãi làm cho người vợ bực mình phát cáu: một buổi chiều kia, khi vợ Cuội ra vườn sau đi tiểu, trông thấy cây quý liền tự nghĩ: “Đã khỏe dặn bà, thì bà cứ đáì xem sao?” Ai ngờ vừa phóng uest xong, cây bỗng long gốc, lừng lững bay lên. Cuội vừa ở rừng về, thấy cây đã lên quá đầu người, hốt hoảng không nói năng gì, chỉ kịp lấy rìu móc vào rễ cây, chực kìm cây ở lại với mình nhưng vẫn cứ bay thẳng mà Cuội cũng nhất định không

buông; do đó, cây lên đến cung trăng, từ đây cho tới bây giờ Cuội còn ngồi tại gốc cây đa ở trên cung Quảng” [53].

Truyện “Chàng Cuội cây đa” của người Chăm:

“Xưa kia có một chàng trai lười, chẳng biết làm gì cả. Một hôm chúng bạn rủ anh ta lên rừng lấy củi, anh ta cũng đi theo để chơi bời cho thỏa thích. Đến rừng, anh ta bảo các bạn vào rừng sâu hái củi để mình ở lại chuẩn bị bữa ăn trưa. Các bạn đi rồi, anh ta bèn lang thang đi chơi. Chợt gặp một tổ bìm bịp, anh lần đến giết hết lũ chim non, rồi leo lên cây hái quả ăn. Đang hái quả, thấy chim mẹ bay về tổ một lát rồi lại bay ngay đến một cây gần đó lấy lá đem về phun vào đàn con. Kỳ lạ thay, chim mẹ vừa phun xong, bầy chim con sống lại như cũ. Chàng lười bèn tụt vọi xuống đất đến chỗ cây lạ nọ, lột lấy một ít vỏ cây, rồi tới chỗ hẹn với các bạn đi lấy củi lúc nãy. Anh ta nhai một miếng vỏ rồi phun vào mấy con cá khô, một lát sau cả gói cá khô biến thành cá tươi. Anh ta nấu cơm rồi nướng cá chờ các bạn về ăn. Khi các bạn đi lấy củi về hỏi lấy đâu ra cá tươi, anh ta nói dối là vừa chạy đi chợ mua. Cả bọn cùng nhau ăn uống rồi gánh củi về nhà.

“Một hôm, anh ta lên kinh thành chơi, gặp đám ma công chúa. Anh ta muốn vào cứu sống nàng, nhưng chưa biết làm cách nào. Anh bèn cứ đứng ở bờ giếng. Người trong cung thành ra gánh nước làm đám, anh ta giữ lại không cho mức nước. Mọi người về tâu vua, nhà vua cho bắt vào cung. Anh ta liền tâu rằng mình có thể cứu sống được công chúa. Nhà vua liền cho vào buồng có thi hài công chúa. Sau khi bảo mọi người ra ngoài hết, Lười lấy vỏ cây thuốc quý nhai nát rồi phun vào người công chúa. Phun lần thứ nhất, da dẻ nàng trở lại tươi tắn; phun lần thứ hai nàng bắt đầu thở và mở mắt; phun lần thứ ba chân tay nàng bắt đầu cử động; phun lần thứ tư nàng ngồi dậy, và hỏi anh sao lại vào đây. Lười kể lại chuyện công chúa đã chết được bảy

⁵³ Theo: *Việt Nam văn học toàn thư, (thần thoại, cổ tích)*, Hoàng Trọng Miên, NXB. Tiếng Phương Đông, Sài Gòn, năm (?).

ngày bảy đêm, và việc mình chữa cho sống lại. Công chúa không tin. Lười bảo nàng thử nhỏ ra xem trong miệng có gì. Công chúa y lời, nhỏ một bãi nước miếng, thấy có mấy con giòi ra theo, lúc bảy giờ nàng mới tin là đúng. Nhà vua thấy con gái mình sống lại mà vẫn đẹp đẽ như xưa thì vô cùng vui sướng. Ngài bèn gả nàng cho Lười làm vợ. Cưới xong, Lười xin phép vua cha đưa vợ về quê sinh sống. Từ đó ngày ngày anh ta lại đi khắp nơi dùng cây thuốc thần để chữa bệnh cho thiên hạ. Tiếng đồn về tài chữa bệnh cứu người của anh vang khắp bốn phương.

“Một hôm, anh ta phải đi xa làm thuốc, vợ anh ở nhà bị người ta giết hại rồi moi ruột vứt xuống sông. Khi trở về, thấy vậy anh vô cùng đau đớn, anh bèn mổ bụng con chó lấy ruột bỏ vào bụng vợ, sau đó phun nước thần. Một lát sau vợ sống lại, nhưng không được sáng ý như xưa nữa. Sau đó anh ta lại lấy bùn trộn với giẻ rách bỏ vào bụng chó, rồi phun nước thần cho sống lại. Từ đấy, anh ta không dám đi đâu xa nữa. Anh ta lên rừng lấy cây thuốc quý về trồng ở sau nhà. . Cây thuốc có kiêng nên anh dặn kỹ vợ là không được đi tiểu vào gốc cây.

“Hôm ấy, anh đi làm vắng, chị vợ quên mất lời dặn, ra vườn đi tiểu luôn ở gốc cây thuốc. TỰ nhiên, cây thuốc chuyển động rồi bay lên trời. Chị ta sợ hãi chạy đi gọi chồng, anh chồng chạy vội về, thấy vậy vội nhảy lên định níu lại cây thuốc quý, nhưng cây thuốc cứ thế mang cả anh ta lên trời.

“Ngày nay, những đêm trăng sáng, người Chăm thường lấy chậu nước để giữa sân rồi bỏ một tấm gương vào đó để nhìn thẳng Lười và cây thuốc thần trên đó. Cũng những đêm trăng, loài chó thường ngó lên trăng mà sủa, vì chúng nhớ tới người chủ cũ của chúng ngày xưa vậy. [54]

Truyện “Hàng Nga” của người Chăm

⁵⁴ Theo: *Truyện cổ dân gian Chăm*, nhiều tác giả, *Trung tâm nghiên cứu văn hóa Chăm – Ninh Thuận*, NXB. Văn hóa dân tộc, 2000, tr. 14 – 17.

Thuở ấy Pajá Yan ở trên mặt đất, làm cho tất cả những người chết sống lại. Thần trời là Pô jàtà, bất bình thấy bà ta tranh quyền tạo hóa, làm trái luật thiên nhiên như vậy, bèn đưa bà lên ở trên mặt trăng.

Đó là một người đàn bà trạc ba mươi tuổi, không rõ tông tích, đã nổi tiếng ban phúc cho người, chữa lành những kẻ bệnh tật, an ủi những kẻ bị áp bức.

Người ta thường chỉ cúng cho bà toàn là những sản vật trên mặt đất, như gạo, chuối, lựu, dứa. Ngày tốt để lễ bà là ngày đầu trăng hạ huyền.

Bà không còn quyền phép làm cho người chết sống lại được nữa, song bà hay thích đem lại cho người đời hạnh phúc và sức khỏe.

Người ở trên trần trông thấy rõ mặt bà khi trăng đến độ tròn. Bà ở dưới nữ Thần Mặt trời là Pô Aditjak, và mỗi lần bà quỳ trước mặt trời là nguyệt thực.

Những kỳ nhật thực là nữ thần mặt trời chúc tụng thần trời Pô jàtà. Những ngày có nhật thực hay nguyệt thực đều là ngày tốt và là dịp để tế lễ.

Sau khi chết, linh hồn những người ngay thật bay lên đến mặt trăng để chào Pajá Yan.

Sự tích Hằng Nga Chiêm Thành theo lời dân chúng truyền lại như sau :

Có một người đi vào rừng, gặp một ổ rắn liên giết cả lũ con đi, rồi đợi rắn mẹ về. Rắn mẹ về thấy lũ con chết cả bằng bò đi kiếm cây đa, nhai mấy lá phun vào xác con, chỉ chốc lát là sống lại. Trông thấy thế, người đàn bà liền bẻ một cành cây đa mang về trồng sau nhà. Mỗi hôm trước khi ra đi, bà ta dặn các con đừng đái vào gốc cây kéo cây bay mất. Lũ trẻ muốn thử xem sao mới đái vào cây. Khi bà mẹ trở về, thấy cây rời khỏi mặt đất, muốn níu lại, song bị cây lôi đi, bay vào

mặt trắng với con chó mực theo chân bà. Người đàn bà từ đó ở luôn trong trắng, không có quyền thế gì đối với người đời. [55]

So sánh, đối chiếu các tình tiết của truyện, cho thấy các tình tiết giống nhau:

Truyện người Việt	Truyện người Chăm	Truyện người Mường
- vào rừng (đón củi)	- vào rừng (đi chơi)	
- hổ mẹ bứt lá cứu hổ con	- bìm bịp bứt lá cứu bìm bịp con	
- chữa bệnh cho mọi người	- chữa bệnh cho thiên hạ	
- lấy cây thuốc về trồng sau nhà	- lấy cây thuốc về trồng sau nhà	
- đi tiểu phía tây của cây	- không được đi tiểu vào gốc cây	
- cây bay lên trời mang theo chú Cuội	- cây bay lên trời mang theo thằng Lười	

Theo đó, có thể nói rằng hai truyện thần thoại *Thằng Cuội với cung trăng* và *Chàng Cuội cây đa* có các tình tiết, yếu tố tương đồng nhau. Điều đó cho chúng ta biết rằng có sự giao thoa nhau trong thần thoại giữa người Việt với người Chăm trong lịch sử phát triển văn học dân gian.

Truyện thần thoại nói chung gắn với thời kỳ xem là "ấu thơ" của loài người, nó là *nghệ thuật vô ý thức, chinh phục, chi phối và nhào nặn những sức mạnh tự nhiên trong trí tưởng tượng và bằng trí tưởng*

⁵⁵ Theo *Việt Nam văn học toàn thư – thần thoại, cổ tích*, Vũ Trọng Miên, NXB. Tiếng Phương Đông, SàiGon, 13/4/1973, tr. 630.

tương [56]. Thần thoại Chăm hay Việt cũng vậy. Thần thoại người Chăm cũng thể hiện quá trình giao lưu tiếp biến giữa thần thoại Chăm – Việt trong tín ngưỡng thờ “Bà”. Mang tính nguyên hợp, đa chức năng (khoa học, nghệ thuật, tín ngưỡng, tôn giáo,... của người nguyên thủy), thần thoại kể về các vị thần, hay nhân vật anh hùng, nhân vật có tài nhiều mặt, giúp dân thoát khỏi đói nghèo, bệnh tật, nắng mưa,... được người dân suy tôn và lập đền thờ cúng. Ví dụ, truyện thần thoại **Po Inur Nugar** [57] sau đây cho chúng ta nhìn nhận về mối giao thoa tiếp biến văn hoá dân gian Việt – Chăm đã diễn ra trong lịch sử. Bà Chúa Ngọc chính là Mẹ Xứ Sở hay Po Inur Nugar của người Chăm đã được người Việt tiếp biến vào hệ thống thần linh và cùng thờ cúng với hệ thống và chức năng các thần linh của mình. Vị nữ thần Pô Nagar hoá thân đa dạng, trong *Việt điện u linh* (1329) chép truyện *Ứng thiên hoá dục Nguyên hưng Hậu thổ địa kỳ nguyên quân* được cho là tinh của đại địa Nam quốc, thác xong nhập hồn vào cây, ở chốn mây nước, ngưỡng linh thiêng, phù hộ cho vua Lý Thánh Tông chinh chiến với Champa thắng lợi (1069). Vị nữ thần đã được nhà vua rước về thờ tại làng An Lăng, kinh đô Thăng Long. Đây chính là sự tiếp biến thành tố văn hoá dân gian trong thần thoại của người Chăm sang người Việt từ rất sớm.

Truyện kể về vị nữ thần Po Inur Nugar sau đây cho chúng ta cái nhìn về sự tiếp biến văn hoá Chăm – Việt, Việt – Chăm [58]:

Tại vùng Aia Trang (nay gọi là Nha Trang), có một người đàn ông và người đàn bà không có con. Một hôm hai ông bà lên núi Gageng phát rẫy làm nương ở xứ Aia Trang để trồng dưa hấu. Trên núi, người Việt gọi tên là làng Nđai An (nay là xã Đại An, tỉnh Khánh

⁵⁶ Theo ý của Karl Mark.

⁵⁷ Tên đầy đủ là **Po Yang Inur Nugar**. Pô = thần, ngài; Yang = thần; Inur = mẹ (đã chết); Nugar = xứ sở. Người Chăm gọi là Mẹ Xứ Sở. Người Việt hiểu Hán học, người trí thức gọi vị nữ thần này là Thiên Y A Na, người bình dân gọi là Diễn Ngọc Phi Chúa Ngọc, Bà Chúa Ngọc, Chủ Ngung Man nương (có nơi cũng gọi là Bà Chúa Tiên). Trong nhiều tài liệu đôi khi viết Pô Inur Nagar, hoặc Pô Nagar, Ina Nagar cũng chính là vị nữ thần này.

⁵⁸ Truyện do TS.Thành Phần sưu tầm từ tài liệu cổ tại huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận. Lược dịch theo tài liệu *Khảo sát đặc điểm truyện cổ dân tộc Chăm* (không ghi tác giả), Trường Đại học Sư phạm, thành phố Hồ Chí Minh.

Hoà). Một lần hai ông bà lên rẫy phát hiện có nhiều trái dưa hấu vút tung, có nhiều trái đã dập nát. Trong lúc dọn dẹp, hai ông bà phát hiện có dấu chân người, nhưng không thấy người trên rẫy. Hai người bèn bàn nhau canh giữ cẩn thận xem có ai đến rẫy không. Đêm xuống, thần ánh trăng đáp xuống rẫy của hai ông bà. Thần là một người con gái chừng mười hai tuổi. Vị thần ánh trăng tìm dưa hấu hái để chơi (không để ăn). Hai ông bà vui mừng ôm chầm vị nữ thần, đem về làm con nuôi. Cô gái ở với hai ông bà được ba năm. Vào một hôm, vị thần ánh trăng dùng đá xếp thành hang, hỏ để chơi cho vui. Ông bà cho rằng chơi vậy là điềm xấu, khuyên cô gái không nên chơi thế. Vị nữ thần không nghe, giận cha mẹ nuôi, cô bỏ đi lang thang dọc theo bờ biển. Trên mặt biển có một khúc gỗ trôi đến trước mặt. Vị nữ thần ánh trăng nhập vào khúc gỗ đó. Khúc gỗ dần trôi đến Trung Hoa. Người dân tại Trung Hoa thấy khúc gỗ bèn kéo lên bờ, có cả ba, bốn trăm người chung sức nhưng không sao khiêng nổi khúc gỗ. Tin đến tai hoàng tử Trung Hoa, chàng dạo ra bờ biển, mới nhìn thấy khúc gỗ mà lòng chàng vui hẳn lên. Chàng xuống mép nước nhẹ nhàng nắm khúc gỗ nhắc lên, khúc gỗ nhẹ như lá lúa. Chàng mang về nhà, đặt trong khay để nơi thư phòng của vua cha. Mấy ngày sau chàng thấy buồn bã vô cớ, ăn không ngon, ngủ không an. Hoàng cung cho mời thầy đến xem bói. Thầy bói bảo rằng hoàng cung sắp có con dâu. Trong khi đó hoàng tử Trung Hoa ngày đêm, bên tai lúc nào cũng nghe có tiếng hát đâu đây, tìm hiểu ra mới biết tiếng hát từ trong khúc gỗ vọng ra. Hoàng tử vui mừng mời vị thần ánh trăng ra khỏi khúc gỗ kia và xin được ra mắt vua cha. Nhà vua nhìn vị thần trẻ tuổi, trông nàng xinh đẹp, xứng với con trai mình nên cho con trai mình lấy nàng làm vợ. Sau ba năm chung sống, họ có với nhau hai người con. Một con trai tên là Trik, một con gái tên là Kuik.

Một hôm, hoàng tử có việc vắng nhà, vị thần ánh trăng nhớ cha mẹ nuôi mình, bèn dắt hai người con xuống biển, lên thuyền xuôi về quê nhà là núi Galeng. Về đến quê hương, bản quán mà không tìm

thấy nhà cha mẹ muôi mình. Nàng ở lại quê nhà trồng dưa hấu, làm nương rẫy như ngày còn trẻ để thờ phụng cha mẹ.

Thời kỳ này người Chăm chưa biết làm nghề gì để sống, dân Chăm còn nghèo đói, vị nữ thần ánh trăng bèn dạy cho dân cày cấy, biết cánh làm ăn, dạy dân làm nhà để ở, trồng bông, dệt vải. Sau gần mười hai năm, người Chăm làm ra được cái ăn, giàu có hẳn lên, vui sướng trong lòng. Từ đó họ biết công ơn vị nữ thần, bèn bàn nhau chung sức, chung lòng xây nên cái tháp bằng gạch để thờ bà ở xứ đất Aia Trang.

Xong công việc, hoàng tử Trung Hoa trở về không thấy vợ đâu, biết được vợ không còn thương mình nữa nên đã quay về với xứ sở cha mẹ nàng rồi. Hoàng tử báo với vua cha và xin vua cha cho phép đi tìm vợ. Đoàn quân đi đến xứ Aia Trang, gần núi Galeng thì vị nữ thần ánh trăng biết được chồng đi tìm mình và hai con. Nữ thần hô mây, gọi bão theo sóng đánh cho thuyền quân của hoàng tử tan tát, làm chìm tàu xuống biển, cận thần và quân lính chết rất nhiều. Vị nữ thần cho bão lặng. Tàu của hoàng tử chìm gần bãi đá lớn, đá bỗng mọc lên có khắc chữ Chăm trên đá. Bà bèn cho lấy gạch xây tháp cho chồng và hai con. Chuyện đã xong đâu đấy, vị nữ thần biến hóa, được người dân làng Yok Yan thờ phụng tại xứ Aia Trang. Sau chuyển lại cho người Việt cùng người Chăm Bàn thờ phụng Bà. Còn Po Nai và hai người con được người dân thờ tại Thuer.

Tại vùng Nha Trang tỉnh Khánh Hòa đến thời cận hiện đại, người Việt miền Trung vẫn còn giữ trong tâm thức về sự tiếp biến hình thức thờ nữ thần Po Inur Nugar vào trong tín ngưỡng và lễ hội của mình và xem "như" là một vị thần người Việt. Quách Tấn trong tác phẩm "*Xứ trầm hương*" đã kể câu chuyện vị nữ thần Thiên Y A Na như sau:

Xưa kia tại núi Đại An (tức Đại Điền hiện tại) có hai vợ chồng ông tiều đến cất nhà ở và vỡ rẫy trồng dưa nơi triền núi. Dưa chín thường hay bị mất. Một hôm ông rình, bắt gặp một thiếu nữ trạc chừng

chín, mười tuổi hái dưa, rồi giốn dưới trăng. Thấy cô gái dễ thương ông đem về nuôi. Hai ông bà vốn không con cái, nên đối với thiếu nữ thương yêu như con ruột.

Một hôm trời mưa lụt lớn, cảnh vật tiêu điều buồn bã, thiếu nữ lấy đá chát thành ba hòn giã sơn và hái hoa lá cắm vào, rồi đứng ngắm làm vui. Cho rằng hành vi của con không hợp với khuê tắc, ông tiều nặng tiếng rầy la. Không ngờ đó là một tiên nữ giáng trần đương nhớ cảnh Bồng Lai. Đã buồn thêm bực! Nhân thấy khúc kỳ nam theo nước nguồn trôi đến, tiên nữ bèn biến thân vào khúc kỳ, để mặc cho sóng đưa đẩy. Khúc kỳ trôi ra biển cả rồi tấp vào đất Trung Hoa. Mùi hương bay ngào ngạt. Nhân dân địa phương lấy làm lạ, rủ đến xem. Thấy gỗ tốt xúm nhau khiêng, nhưng người đông bao nhiêu cũng không giở nổi.

Thái tử Bắc Hải nghe tin đồn, tìm đến xem hư thực, thấy khúc gỗ không lớn lắm, lẽ gì nặng đến nỗi không giở lên, Thái tử bèn lấy tay nhất thử. Chàng hết sức lạ lùng vì nhận thấy khúc gỗ nhẹ như tờ giấy! Bèn đem về cung, trân trọng như một bảo vật.

Một đêm, dưới bóng trăng mờ, Thái Tử thấy có bóng người thấp thoáng nơi để khúc kỳ nam. Nhưng lại gần xem thì tư bề vắng vẻ, bên mình chỉ phảng phất một mùi hương thanh thanh từ khúc kỳ bay ra. Chàng quyết rình xem suốt mấy đêm liền, không hề thấy gì khác lạ. Chàng không nản chí. Rồi một hôm, đêm vừa quá nửa, bốn bề im phăng phắc, một giai nhân tuyệt sắc theo ngọn gió hương ngào ngạt, từ trong khúc kỳ nam bước ra. Thái Tử vụt chạy đến ôm choàng. Không biến kịp, giai nhân đành theo Thái Tử về cung và cho biết rõ lai lịch.

Giai nhân xưng là Thiên Y A Na.

Thái Tử vốn đã trưởng thành, nhưng chưa có lúa đôi vì chưa chọn được người xứng ý. Nay thấy A Na xinh đẹp khác thường, bèn tâu cùng phụ hoàng xin cưới làm vợ. Nhà vua sai bói cát hung. Trúng quẻ “đại cát” liền cử lễ thành hôn.

Vợ chồng ăn ở với nhau rất tương đắc và sanh được hai con, một trai, một gái, trai tên Trí, gái tên Quý, dung mạo khôi ngô.

Thời gian qua trong êm ấm. Nhưng một hôm, lòng quê thúc giục, Thiên Y bồng hai con nhập vào khúc kỳ nam, trở về làng cũ.

Núi Đại An còn đó, nhưng vợ chồng ông tiều đã về cõi âm. Thiên Y bèn xây đắp mồ mả của cha mẹ nuôi và sửa sang nhà cửa để phụng tự. Thấy dân địa phương còn dã man, bà đem văn minh Trung Hoa ra giáo hoá: dạy cày cấy, dạy kéo vải dệt sợi,...và đặt ra lễ nghi,...Từ ấy ruộng nương mở rộng, đời sống của nhân dân mỗi ngày mỗi thêm phú túc phong lưu. Công khai hoá của bà chẳng những ở trong địa phương, mà các vùng lân cận cũng được nhờ.

Rồi một năm vào ngày lành tháng tốt, trời quang mây tạnh, một con chim hạc từ trên mây bay xuống, bà cùng hai con lên lưng hạc bay về tiên.

Nhân dân địa phương nhớ ơn đức, xây tháp, tạc tượng phụng thờ. Và mỗi năm vào ngày bà thăng thiên, tổ chức lễ hầu đồng, múa bóng dâng hoa rất long trọng.

Ở Bắc Hải, Thái Tử trông đợi lâu ngày không thấy vợ con trở về, bèn sai một đạo binh dong thuyền sang Đại An tìm kiếm. Khi thuyền đến nơi thì bà đã về Bồng Đảo. Người Bắc Hải ỷ đông, hà hiếp dân địa phương, ngờ rằng dân địa phương nói dối bèn hành hung. Lại không giữ lễ, xúc phạm thần tượng. Nhân dân bèn thắp hương khẩn vái. Liên đó gió nổi đá bay, đánh đắm đoàn thuyền của Thái Tử Bắc Hải. [59]

Sau đây là chuyện kể của người Chăm:

Po Inur Nugar là một nữ thần do ánh mây và bọt nước biển biến sanh. Bà sinh ra với một tấm thân cân đối, một khuôn mặt xinh đẹp tuyệt vời và chói rọi hào quang. Bà sinh ra tận ngoài biển khơi. Nước

⁵⁹ Sự tích này theo Quách Tấn trong *Xứ trầm hương*, Lá Bối xuất bản, Sài Gòn, 1969 ghi cụ Phan Thanh Giản chép lại thành một bài ký và bổ chánh sử tỉnh Khánh Hoà là Nguyễn Quỳnh khắc bia dựng phía sau tháp. Đó là sự tích của người Việt Nam truyền tụng. Xem phần Phụ lục ở sách này.

biển dâng cao đưa bà vào bến Yjatran. Sấm trời và gió hương nổi dậy báo cho muôn loài biết tin Bà giáng thế. Liền đó những khe suối trên nguồn dồn lại thành sông chảy xuống mừng bà, và núi hạ mình thấp xuống để đón rước Bà. Bà bước lên bờ. Cây cong cành xuống sát đất để tỏ lòng thần phục. Chim muông kéo nhau đến châu hai bên đàng. Và hoa cỏ vươn lên để điểm hương vào bước chân Bà đi.

Đến Yjatran, Bà dùng phép hoá ra cung điện nguy nga, hoá ra trầm hương kỳ nam, các giống gỗ quý và lúa bắp. Để cúng Trời, Bà tung lên mây một hạt lúa. Lúa mọc hai cánh trắng như hai mảnh bạch vân, bay ở giữa không trung. Bà lại đốt một phiến trầm hương, khói thơm toả lên cao vút, đỡ hạt lúa có cánh về dâng cúng Trời.

Nơi hậu cung Bà có 97 ông chồng. Nhưng chỉ có ông **Po Yang Amur** là có uy quyền và được trọng vọng hơn cả. Bà sanh được 38 nữ thần, người nào cũng xinh đẹp. Song chỉ có ba người được Bà ban cho nhiều quyền phép là **Po Nugar Dara**, Rarai Anaih, nữ thần vùng Phan Rang và **Po Bia Tikuk**, nữ thần vùng Phan Thiết.

Lần theo dấu vết như truyện đã kể lại, có thể nói rằng, các thành tố văn hóa dân gian người Chăm đã xuất hiện trong tín ngưỡng, thần thoại người Việt, được người Việt sẵn sàng tiếp nhận và đưa vào trong hệ thống tín ngưỡng của mình, xem là yếu tố bổ sung vào đời sống tâm linh. Điều nhận ra, qua khảo sát truyện thần thoại Po Inur Nugar, người Việt miền Trung gọi là Thiên Y A Na cho chúng ta nhận ra rằng, người Chăm luôn ý thức về quan hệ mẫu hệ của họ, tôn trọng người phụ nữ và là nhân vật luôn được chú ý còn truyện của người Việt miền Trung kể lại khi đã được Việt hoá, thường thể hiện tư duy chủ toàn, coi trọng tính cộng đồng, coi tình cảm dân tộc là quan trọng hơn tình cảm gia đình. Đây là biểu hiện của sự giao thoa, tiếp biến văn hóa dân gian người Chăm sang văn hóa dân gian người Việt và ngược lại. Đến nay, truyện thần thoại về vị nữ thần Po Inur Nugar được văn bản hóa và cùng tồn tại trong tâm thức người Việt và người Chăm với tư cách là một thể loại trong kho tàng văn học dân gian Việt Nam.

3.2. Truyền thuyết

Truyền thuyết được xem là thể loại văn học dân gian, ra đời sau thần thoại, được lưu truyền trong dân gian bằng phương thức truyền khẩu, do đó không tránh khỏi sự giao thoa, tiếp biến nhau, đặc biệt trong quá trình di cư của các tộc người từ vùng này sang vùng khác. Truyền thuyết Việt – Chăm có dính dáng đến ít nhiều đến lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước, đấu tranh để sinh tồn của các tộc người, cũng có truyền thuyết phản ánh các hiện tượng xã hội,...

Truyền thuyết **Po Riyak** (Thần Sóng) của người Chăm phần nào có sự giao thoa nhau với người Việt, không chỉ là truyện kể mà trong tín ngưỡng dân gian cũng thể hiện sự giao thoa, tiếp biến nhau. Sau đây là truyện Thần Sóng của người Chăm:

“Ngày xưa, chàng Eh Wa, xuất thân từ giai cấp nông dân nghèo đã trải qua sự áp bức bóc lột của bọn cường hào ác bá, nên quyết chí bỏ làng ra đi tìm thầy học đạo, mong giải thoát dân làng khỏi cảnh lầm than cơ cực, bởi những thành phần bất nhân bất nghĩa.

Trước lúc ra đi, chàng nhìn quê hương lần cuối nước mắt dàn dụa rồi bôn ba qua xứ Ả Rập, được một thầy ở thành La Mã nhận làm đệ tử. Qua bao năm tháng quyết tâm giùi mài kinh sử, chàng đã thành tài nhưng lúc nào cũng nghĩ đến quê hương, nỗi đau của dân làng luôn canh cánh trong lòng chàng như lửa đốt.

Một hôm, chàng quỳ lạy thầy bày tỏ nỗi lòng của mình cho thầy nghe và xin phép thầy cho chàng trở lại quê hương để tìm cách giúp đỡ những nỗi thống khổ của dân làng ở xứ Champa.

Thầy gieo quẻ bảm độn số biết đó là mệnh trời đã định và chưa đến hạn nên dù bôn ba cũng không qua thời vận, thầy nghĩ: “Thiên cơ bất khả lậu” nên không cho đi. Nếu để làm liều sẽ mang tội với ông trời và thầy cũng vạ lây.

Chàng Eh Wa, ngày đêm bứt xúc ăn không ngon, ngủ không yên. Vào một đêm trăng sao sáng tỏ, trời mây êm ả đã đưa giấc ngủ của thầy vào giấc ngủ thần tiên. Thừa lúc này chàng Eh Wa lén lấy

tắm ván trên gác kết bè rồi quỳ lạy từ biệt thầy ba lạy, liền xuống bè vượt sóng về cô hương.

Thầy thức giấc thấy vắng chàng Eh Wa, nhìn trên gác thì thấy mất tấm ván biết chàng đã trốn về quê hương. Trong cơn thịnh nộ, thầy nguyên rửa:

- Những tên học trò phản bội thầy thì thành khi, thành vượn.

Riêng Eh Wa cãi lời thầy, muốn cãi cả mệnh trời nên phải chịu sự trừng phạt thâm. Ông rửa tiếp:

- Hỡi Eh Wa người cãi lời ta nếu người đi đường bộ thì bị rắn cắn, cọp vồ mất xác, nếu người đi qua cây bị cây đổ đè chết; nếu người đi qua hang động sẽ bị sập vùi lấp thầy người xuống hồ sâu vực thẳm. Nếu người đi đường biển sẽ bị sóng dập, cá mập, cá xà ăn tươi, nuốt sống người.

Lời nguyên rửa của thầy thật màu nhiệm. Eh Wa vượt biển gần đến đất liền bỗng nhiên trời nổi phong ba bão tố, sóng thần nổi lên cuộn cuộn như thác đổ, đánh vỡ tấm bè. Eh Wa bị cá mập nuốt sống, hương hồn của Eh Wa hòa nhập vào cá Voi để cứu độ ngư dân khi bị nạn đắm thuyền bè. Eh Wa chết vì sóng người Chăm gọi là **Riyak**, nên dân gian truyền tụng gọi là **Po Riyak** (Thần Sóng)". [60]

Mặc dù Eh Wa chưa thực hiện được lý tưởng của mình nhưng tấm lòng cao cả của ông đồng bào Chăm kính phục được ghi vào hệ thống nhân thần. Ngày nay, hằng năm vào tháng hai, ba (lịch Chăm) ở các làng Chăm Bà-la-môn và Bani tổ chức lễ hội để ghi nhớ công đức và sự hy sinh cứu độ của ông.

Po Riyak không những người Chăm thờ mà cả ngư dân vùng biển người Việt cũng lập miếu thờ (gọi là thần Nam Hải), hằng năm thường tổ chức lễ hội để tưởng nhớ công lao cứu mạng của ông.

⁶⁰ Theo: *Truyện cổ dân gian Chăm*, Trung tâm nghiên cứu văn hóa Chămpa, Nguyễn Thị Thu, Thập Liên Trường, Phạm Văn Thành, NXB. Văn hóa dân tộc, tr. 59 – 62.

Sự tích tháp Po Klaung Giarai, sự tích tháp Po Rome, Po Sah Inur (bà Tranh).

Ở nhóm truyền thuyết thần thoại chỉ có một bản kể Kaundynia kể lại việc chọn đất đóng đô và dòng dõi của những người làm vua Chăm. Truyền thuyết về Po Inur Nugar nói về việc Po Nugar làm vua nước Chiêm và sáng tạo ra một số ngành nghề và quy định nên phong tục, tập quán cho người Chăm.

Nhóm truyền thuyết lịch sử xuất hiện muộn hơn. Nội dung chính trong các truyền thuyết nhóm này chủ yếu kể về công đức của các vị vua: Po Klaung Girai, vua Po Rome, Po Sah Inur (khoảng thế kỷ XII trở về sau) đối với đất nước và tộc người.

3.3. Cổ tích

Cổ tích ra đời sau thần thoại, chủ yếu bắt đầu xuất hiện khi xã hội phân hóa thành giai cấp, khi thế giới thần linh với lực lượng siêu nhiên không còn ngự trị mạnh mẽ trong đời sống tinh thần của con người. Vào giai đoạn này, hình thái xã hội công xã nguyên thủy bắt đầu tan rã. Của cải do con người làm ra không còn là của cộng đồng nữa mà lợi ích riêng của cá nhân hình thành, từ đó bắt đầu xuất hiện hình thức tư hữu, những tính tham lam, giành giật dẫn con người đến tàn ác. Tầng lớp quản lý xã hội sơ khai bắt đầu xuất hiện. Và thế là nội dung của cổ tích Việt lẫn Chăm phản ánh môi xung đột có tính chất giai cấp trong xã hội và lan rộng ra cả cộng đồng. Theo đó, về sau, các nhà nghiên cứu chia truyện cổ tích thành ba loại:

1/ *Cổ tích thần kỳ* là bộ phận cổ tích tiêu biểu và quan trọng trong cổ tích Việt – Chăm. Các cổ tích tiêu biểu của người Chăm: *Pô Rô Mê, Hằng Nga, Thằng khờ, Ca Đóp và Ca Đét, Sọ Dừa, Chiếc giày/hài vàng, Hai anh em nghèo, Số mệnh. Anh chàng sức mạnh,...*

2/ *Cổ tích thế sự (sinh hoạt)*: là những cổ tích ra đời muộn hơn, nếu như cổ tích thần kỳ giải quyết môi xung đột xã hội bằng yếu tố thần kỳ thì cổ tích sinh hoạt lại giải quyết môi xung đột bằng hiện thực cuộc sống. Trong kho tàng cổ tích sinh hoạt Việt – Chăm, chủ

yếu có hai loại: truyện về người thông minh và truyện răn dạy đạo đức.

3/ *Cổ tích loài vật*: giải thích những đặc điểm của các con vật. Ra đời từ thời cổ đại, loại truyện này bắt nguồn từ bộ phận thần thoại suy nguyên về loài vật, nội dung truyện thường phản ánh cuộc đấu trí giữa những con vật nhỏ yếu nhưng tinh khôn (đại diện là thỏ) với những con vật hùng mạnh nhưng độc ác, ngu ngốc (đại diện là hổ).

Trong ba loại truyện cổ tích trên, cả người Việt và người Chăm xem cổ tích thần kỳ là tiêu biểu và quan trọng hơn, vừa mang tính nguyên hợp, vừa suy nguyên giải thích các hiện tượng thuộc tính thiên nhiên: ngày - đêm, mặt trời - mặt trăng,... Trên cơ sở đó, trong mối giao lưu quan hệ nhau giữa người Việt miền Trung và người Chăm không tránh khỏi sự giao thoa tiếp biến nhau, bởi cổ tích xứng đáng là nghệ thuật, là loại truyện có chủ ý của con người. Từ sớm đã có sự giao thoa, tiếp biến truyện cổ tích từ người Chăm sang người Việt và ngược lại. Đa số các nhà nghiên cứu văn hóa cho rằng truyện *Tám Cám* của người Việt có kết cấu, nhân vật và sự kiện giống với truyện *Kajaung* và *Halok* của cư dân Đông Nam Á và của người Chăm. Tác giả Võ Thu Tịnh trong tác phẩm: *Tự tình dân tộc*, Nhà xuất bản Xuân Thu, Los Alamitos, California. USA phát hành năm 1999, cũng cho rằng "*Truyện Tám Cám rất có thể là một dị bản bắt nguồn từ Truyện Ca Dong Ha Lóc, một cổ tích Chămpa du nhập vào nước ta vào một thời điểm mà xã hội Việt Nam đang loạn lạc, đầy dẫy tang tóc, ức hiếp, bất công. Dân gian ta ở thời điểm ấy, hẳn dễ bị lôi cuốn theo những giải pháp hung bạo, khốc liệt để trừng phạt những kẻ độc ác, sát nhân. Như thế, dấu chỉ ở trong tưởng tượng của các cổ tích thối, dân gian cũng có thể, trong một giai đoạn, cảm thấy được hả hê thỏa dạ. Cổ tích, truyện kể dân gian, cũng như "giấc mơ" của Freud là những môi trường để u uất, căm hờn, ước vọng thâm kín của dân gian bị dồn ép lâu ngày trong tiềm thức được có dịp bộc lộ ra, cho con*

người cảm thấy đã nu, đã giận" [61]. Hai truyện dẫn chứng sau đây cho thấy điều đó.

1. **Truyện Kajaung Halok của người Chăm:** “Ngày kia, một bà kia có hai đứa con gái, một đứa con nuôi tên là Kajaung, một đứa con ruột tên là Halok. Hai đứa đều cùng một tuổi ngang nhau nên không đứa nào chịu nhận đứa kia làm chị. Bà mẹ liền bảo hai đứa cùng đi bắt cá, đứa nào bắt được nhiều nhất sẽ được làm chị. Ngày hôm sau, hai đứa cùng đi ra ao bắt cá. Halok bảo Kajaung nước ao lạnh quá hãy lên bờ sưởi nắng đi cho ấm. Kajaung nghe lời, lên nằm rồi ngủ quên. Halok lén lấy cá của Kajaung đã bắt được, trút vào giỏ của mình. Kajaung thức dậy thấy mất hết cá, hỏi thì Halok bảo có lẽ bị quạ cắp mất rồi. Kajaung biết là nói dối nhưng không dám sinh chuyện, lẳng lặng trở xuống ao mò được ba con cá chày [62] và một con cá rô. Halok về trước đưa cá cho mẹ. Kajaung đem con cá rô bỏ xuống giếng nuôi, còn ba con cá chày thì đem về nhà trình với mẹ. Bà mẹ xử từ nay Kajaung gọi Halok bằng chị. Hằng ngày Kajaung lén đem cơm ra giếng cho cá rô ăn. Halok rình biết được.

Một hôm dê bị sảy chuồng, Kajaung phải đi tìm bắt về, ở nhà Halok ra giếng bắt cá rô làm thịt. Khi Kajaung về đem cơm ra giếng gọi cá rô mãi mà không thấy, buồn rầu than khóc suốt buổi. Tối lại, chiêm bao thấy cá rô hiện về kể đầu đuôi, chỉ chỗ cho đi nhặt xương bỏ vào gáo dừa đem chôn ở ngã ba đường.

Một hôm Kajaung ghé thăm nơi chôn xương cá rô, thấy có đôi giày bằng vàng ở ngã ba đường, lấy một chiếc về giữ kỹ. Còn chiếc giày bằng vàng khác thì có một con quạ cắp đem bỏ vào hoàng cung của nhà vua. Vua liền ra lệnh truyền khắp nơi cho các cô gái chưa chồng đến ướm thử, ai ướm được vừa chân thì vua chọn làm hoàng hậu. Mẹ con Halok cũng sắm sửa đi ướm. Kajaung xin đi theo, bà mẹ không cho. Kajaung tức mình khóc lóc om sòm, bà mẹ không chịu

⁶¹ Xem: *Tự tình dân tộc*, Võ Thu Tịnh, Xuân Thu xuất bản lần thứ nhất tại Hoa Kỳ, (Los Alamitos, California. USA.) 1999. Tr. 180.

⁶² Tức cá diếc gọi theo người Việt miền Trung.

nồi, lấy mè, lúa, đậu phụng trộn lẫn lộn với nhau rồi bảo nếu lựa riêng các thứ ấy xong thì bà cho đi. Kajaung vừa lựa vừa than khóc. Trời sai chim xuống lựa dùm, xong trong khoảnh khắc. Kajaung đem trao cho mẹ. Bà ta lại lấy một cuộn tơ bị rối bảo phải gỡ cho xong hẳn đi. Trời lại sai một con kiến đến giúp, kiến bò trên sợi tơ đến đâu thì Kajaung theo kiến mà tháo tơ đến đấy. Trong giây lát cuộn chỉ rối được tháo xong. Bà mẹ cho Kajaung cùng đi ướm giày.

Kajaung lén đem theo chiếc giày bằng vàng theo. Đến nơi, Kajaung ướm giày vừa vặn chân mình, liền lấy chiếc đã đem theo mang vào chân kia cho đủ đôi. Vua lấy làm lạ, hỏi nguyên do. Kajaung kể hết đầu đuôi thân thế của mình cho vua nghe, nghe xong vua phán:

- Nếu quả như lời vừa kể đó, thì Trời đã dẫn dắt nàng đến đây làm vợ ta.

Vua cưới Kajaung làm hoàng hậu, được ít lâu, Halok đến xin phép cho Kajaung về thăm nhà. Bà mẹ sai Kajaung trèo lên cây dừa để hái trái. Bà chặt gốc dừa. Kajaung té xuống ao, chết hoá thành con rùa. Bà ta lấy áo quần của Kajaung mặc vào cho Halok rồi đưa vào cung thay thế Kajaung. Một hôm, nhà vua đi săn ngang qua ao, bỗng thấy lòng xúc động, sai lính lặn xuống nước bắt được rùa. Vua đem rùa về chăm sóc, nâng niu. Vua đi vắng. Halok bắt rùa làm thịt, quăng mai rùa ra sau nhà. Từ mai rùa mọc lên một măng tre. Vua lại chăm sóc nâng niu măng tre. Halok tức lắm, nhân một hôm vua đi vắng, Halok chặt măng tre đem nấu canh. Vỏ măng tre hoá ra một con chim sáo, bay đậu trên nóc nhà của vua, lên tiếng hót véo von. Vua gọi chim bảo hãy bay vào tay áo của vua. Quả nhiên chim đáp xuống. Vua bỏ chim vào lồng, chăm sóc, nâng niu. Halok lại bắt chim làm thịt, vứt lông ra đường. Từ lông chim mọc lên một cây thị, trái thị rơi vào bị. Bà lão hàng nước liền đem về giấu trong buồng ngủ của mình. Mỗi lần bà đi chợ về thì thấy cơm canh đã dọn sẵn, ngon lành. Một hôm bà về thành lình bắt gặp Kajaung đang nấu ăn, bà liền vào buồng xé vỏ thị cho Kajaung không nhập lại vào trái thị được nữa.

Kajaung nhờ bà già đi mời vua đến nhà ăn cơm. Khi đến thấy bánh và tràu tằm giống y kiểu của Kajaung, vua hỏi ai làm bánh, tằm tràu giống như vợ vua vậy. Nói xong vua thờ dài. Kajaung trong buồng cũng thờ dài theo, rồi bước ra. Vợ chồng gặp lại. Vua dất Kajaung trở về hoàng cung, rồi ra lệnh giết Halok, lấy thịt làm mắm gửi cho mẹ Halok ăn. Khi ăn hết mắm mới thấy chiếc nhẫn của Halok, bà mẹ liền ngã lãn ra chết”. [63]

2. Truyện Tấm Cám của người Việt: “Ngày xưa Tấm là con vợ cả. Mẹ của Tấm chết, cha lấy vợ kế sinh ra Cám. Sau cha chết, Tấm ở với dì ghẻ. Một hôm dì ghẻ sai hai chị em đi bắt tôm tép. Tấm bắt được nhiều hơn Cám. Cám lập mưu bảo Tấm đầu bị lấm, nên lội xuống sông mà gội đi cho sạch. Tấm nghe lời, làm theo. Cám ở trên bờ trút cả tôm tép của Tấm vào giỏ của mình. Tấm gội đầu xong, lên bờ, thấy mất hết tôm tép, chỉ còn một con cá bống, liền ngồi khóc. Phạt hiện lên hỏi nguyên do rồi bảo Tấm đem thả xuống giếng nuôi. Cám thấy được mách mẹ. Dì ghẻ sai Tấm đi thả trâu. Ở nhà, Cám bắt bống làm thịt. Tấm đi chăn trâu về, đem cơm ra giếng gọi bống không thấy, ngồi khóc, Phạt hiện lên bảo nhặt xương bỏ vào bốn cái lọ đem chôn ở bốn góc giường về sau sẽ dùng được.

Được ít lâu sau vua mở hội, hai mẹ con Cám sắm sửa đi xem. Tấm cũng muốn đi, dì ghẻ lấy một đầu thóc và một đầu gạo trộn lẫn nhau, bảo Tấm lựa riêng ra, xong hãy đi. Mẹ con Cám đi rồi, Tấm ngồi khóc. Phạt hiện ra bảo chim sẻ đến lựa cho Tấm. Rồi Phạt bảo đào những lọ đựng xương cá bống ở góc chân giường lên. Tấm làm theo, thấy có quần áo, một đôi giày và một con ngựa. Tấm mừng quá, thắng bộ rồi đi xem hội. Một lúc đi qua bờ hồ, đánh rơi chiếc giày, không sao lấy lên được. Một lát sau, vua ngự đến gần đấy, voi đứng lại kêu ầm ỉ. Vua lấy làm lạ sai lính xuống hồ mò xem, nhặt được chiếc giày đàn bà rất đẹp. Vua truyền cho tất cả con gái đi xem hội, đến ướm thử, hễ ai đi vừa được thì vua lấy làm vợ. Các cô gái đi xem hội, kể cả Cám nữa, đều đến ướm thử, song chẳng có chân ai đi vừa.

⁶³ *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*, Nguyễn Đông Chi, tập 4, Hà Nội, 1975. Tr. 395-398.

Chỉ có Tấm ước vừa vắn, thị vệ đem kiệu đến rước về cung và Tấm được vua phong làm hoàng hậu. Đến ngày giỗ cha, Tấm về nhà, dì ghẻ bảo trèo lên cây cau cắt mấy trái để cúng. Tấm vừa trèo đến ngọn thì dì ghẻ dẫn gốc. Tấm ngã xuống ao chết, dì ghẻ lấy áo quần mặc cho Cám rồi đưa vào cung. Tấm hoá ra chim hoàng anh đến đậu ở vườn vua, thấy lính giặt quần áo của chồng thì kêu lên rằng: “Có phơi thì phơi bằng sào, đừng phơi hàng rào, rách áo chồng tao”. Vua gọi hoàng anh đến, đem nuôi trong lồng sơn thếp vàng, ngày đêm vui chơi với chim. Cám về mách với mẹ. Mẹ xui bắt chim làm thịt, vứt lông ra vườn. Lông chim hoá ra hai cây xoan đào, nhà vua thấy đẹp mắt, mắc võng vào, nằm chơi suốt ngày dưới bóng mát. Cám lại mách với mẹ, mẹ xui đốn cây lấy gỗ đóng khung cửi. Đến khi dệt thì nghe tiếng kêu: “Kéo cà kéo kẹt. Lấy tranh chồng chị, chị khoét mắt ra”. Cám lại về mách với mẹ. Mẹ xui đốt khung cửi. Tro đổ ra ngoài đường, mọc lên cây thị sinh ra một trái xinh đẹp lạ thường. Bà lão hàng nước đi qua trông thấy, gọi trái thị rụng xuống, bà già đem về nhà. Ngày nào đi bán về, bà lão cũng thấy com canh đã dọn sẵn. Bà lấy làm lạ, rình xem thấy một cô gái đang nấu ăn, bà chạy đến ôm lấy, Tấm bị lộ cơ không thể biến vào lại trái thị được nữa.

Một hôm, vua đi dạo ghé vào nhà thăm. Bà lấy trà ra mời vua. Thấy miếng trà tằm giống như trà của hoàng hậu ngày trước, liền hỏi trà của ai tằm. Bà lão tâu của con gái bà. Vua truyền ra cho vua xem mặt, thì chính là Tấm. Vua liền rước về cung, Tấm làm hoàng hậu như xưa.

Cám thấy chị xinh đẹp mới hỏi làm sao mà được như thế? Tấm nói muốn đẹp như chị thì xuống tắm ở hồ sâu. Khi Cám vừa xuống hồ thì Tấm sai người đổ nước sôi cho chết, rồi làm mắm gửi về cho dì ghẻ ăn. Khi ăn hết mắm mới thấy đầu lâu của con mình là Cám, dì ghẻ lăn đùng ra chết.” [64]

⁶⁴ *Việt Nam văn học toàn thư*, Hoàng Trọng Miên, Sài Gòn xuất bản trước 1975. Truyện được A. Lander sưu tầm và công bố trong tác phẩm *Contes et legendes Annamites* năm 1886 tại Sài Gòn.

Các nhà nghiên cứu văn hoá dân gian cho rằng rất có thể truyện *Tám Cám* của người Việt là dị bản sau khi tiếp nhận từ truyện cổ tích *Kajaung Halok* của người Chăm giao thoa vào chuyện cổ Việt Nam; đồng thời truyện *Tám Cám* có liên quan đến các dân tộc vùng Đông Nam Á, trong đó hẳn có dân tộc Việt. Và không chỉ liên quan vùng Đông Nam Á hay người Việt miền Trung với người Chăm mà còn có thể có liên quan với các tộc người khác nên mang tính nhân loại. Chẳng hạn như truyện theo kiểu cendrillon (cô bé Lọ Lem, của Pháp), kiểu truyện như cendrillon ta còn gặp ở Ấn Độ, Trung Hoa, Việt Nam, Chăm, Serbie, Roumanie, Pháp, Bắc Phi, Thái, Khmer, Myanmar,... [65]. Qua khảo sát chuyện *Tám Cám* của người Việt và truyện *Kajaung Halok* của người Chăm, chúng tôi nhận thấy:

Mỗi dân tộc kể truyện kiểu như truyện *Tám Cám* có hoàn cảnh giống nhau trong xây dựng cốt truyện, có yếu tố tương đồng nhau ở phần kết thúc truyện. Ta có thể rút ra được những yếu tố tương đồng ở *Kajaung Halok* của người Chăm và *Tám Cám* của người Việt, ở chi tiết:

Tám Cám của người Việt	Kajaung Halok của người Chăm
- đi xem hội	- đi xem hội
- uớ m đôi giày	- uớ m đôi giày
- hóa thành con chim	- hóa thành con chim
- Tám giết Cám đem làm mắm cho mẹ Cám ăn.	- Tám giết Cám đem làm mắm cho mẹ Cám ăn.
- chiếc giày,	- chiếc giày,
- lấy được vua,	- lấy được vua,

⁶⁵ Theo: Roth Anna Brigitta, trong *The Cinderella Cycle* (Hệ truyện cendrillon), Lund, 1951-1971, tr.100-101. Dẫn theo Võ Thu Tịnh, *Tự tình dân tộc*, Xuân Thu, sđd, tr 178.

- <i>trái thị,</i>	- <i>trái thị,</i>
- <i>xem hội</i>	- <i>xem hội</i>
- <i>làm mắm cho dì ghẻ ăn</i>	- <i>làm mắm cho dì ghẻ ăn</i>
- (...)	- (...)

Qua đối chiếu, chúng tôi thấy rằng, lần theo cốt truyện, tình tiết tương đồng, gần giống nhau, sự việc diễn ra theo trình tự tuyến tính và theo phương thức trật tự tiếng Việt, cái gì xảy ra trước, kể trước, yếu tố nào xảy ra sau kể sau. Đây chính là sự giao lưu, tiếp biến của nhau.

Sự tiếp biến, giao thoa nhau còn tìm thấy trong truyện cổ tích sinh hoạt người Việt và người Chăm, loại truyện này ra đời muộn hơn, chủ yếu phản ánh và giải quyết xung đột xã hội, gia đình, cuộc sống. Truyện theo kiểu “*Hòn vọng phu*” của người Việt và người Chăm sau đây, cho chúng ta cái nhìn logic về sự giao thoa, tiếp biến trong quá trình hội nhập văn hóa lẫn nhau.

1. **Truyện Nai krao chao phò của người Chăm**, lược kể rằng:

Trong lúc do mâu thuẫn (anh em trong gia đình), bất ngờ người anh đánh em gái của mình một thanh củi vào đầu, máu chảy ra. Người anh hoảng sợ vội vàng bỏ nhà ra đi. Sau đó, người em được cứu chữa khỏi bệnh, nhưng trên đầu còn để lại một cái sẹo. Sau thời gian lang bạt, người anh trở về tìm lại quê hương bản quán, về lại gia đình mình nhưng cảnh đã đổi thay, gia đình đã di dời về đâu không rõ. Đến tuổi thành niên, người anh lấy vợ, không nghĩ rằng lấy em gái mình nay đã là con nuôi một gia đình khác. Một hôm người vợ kể cho chồng nghe về nỗi lòng truân chuyên lưu lạc của hai anh em mình, người anh hiểu ra được chuyện nhờ cái sẹo trên đầu. Từ đó, người anh lặng lẽ bỏ nhà ra đi mà không tỏ bày gì với vợ (người em gái). Từ ngày chồng đi, đã lâu rồi mà không thấy chồng về, người vợ bỗng con ra biển ngóng trông, nhưng bật vô tin nhận. Đến lúc mỏi mòn kiệt sức,

người vợ bỗng con đứng chết. Thân người em biến thành pho tượng đá, mãi mãi đứng trông ra biển cả chờ chồng.

Ngày nay, đến ngọn núi bên bờ biển Cà Ná, thuộc tỉnh Ninh Thuận, người ta vẫn còn thấy pho tượng đá như bỗng con. Người Chăm gọi đó là tượng của nàng *Nai krao chao phò* đứng đợi chồng về.

Và để tưởng nhớ, thương xót cho nàng, người Chăm lập miếu thờ nàng.

2. Truyện kể trên giống với truyện Hòn vọng phu của người Việt miền Trung tại tỉnh Bình Định. Chỉ khác nhau ở chi tiết bất ngờ, *người anh đánh lên đầu em cây củi* trong truyện của người Chăm khác với chi tiết người Việt *người anh chặt cây mía, lưỡi liềm văng trúng đầu em gái mình*. Hay chi tiết *dùng đá ném gà nhưng lại trúng đầu em gái* (trong truyện *Nai krao chao phò* của người Chăm) rồi hoảng sợ mà bỏ nhà ra đi không nhắn nhủ lại gì. Hình thức khác nhau nhưng chi tiết *cái sẹ, bỏ nhà ra đi, sau tìm trở về làng, cưới vợ* cho thấy có sự giống nhau trong cốt truyện.

Lần theo cốt truyện *Nai krao chao phò* (tên người con gái - của người Chăm) và truyện *Hòn vọng phu* (của người Việt) ta có thể thấy kết cấu tình tiết xung đột xảy ra bất ngờ: *gặp phải tai nạn; anh lấy em; nhận ra từ cái sẹ; vợ hoá đá vọng phu*.

<i>Nai krao chao phò</i> của người Chăm	<i>Hòn vọng phu</i> của người Việt
- <i>gặp phải tai nạn</i>	- <i>gặp phải tai nạn</i>
- <i>người anh đi biệt</i>	- <i>người anh đi biệt</i>
- <i>về lại quê hương</i>	- <i>về lại quê hương</i>
- <i>anh lấy em (nhưng không biết là em mình)</i>	- <i>anh lấy em (nhưng không biết là em mình)</i>

- nhận ra từ cái sẹo trên đầu	- nhận ra từ cái sẹo trên đầu
- vợ hoá đá vọng phu	- vợ hoá đá vọng phu



Nàng Tô Thị (Lạng Sơn)

Hoặc truyện cổ tích thể sự (sinh hoạt) sau đây được lưu truyền trong người Việt miền Trung nói chung và xứ Quảng nói riêng, thể hiện sự tương đồng, giao thoa nhau giữa cổ tích Việt – Chăm:

Truyện cổ tích thể sự của người Chăm: *Trí khôn của con người*:

“Ngày xưa, có một bác nông dân chiều nào cũng vác cày và dắt trâu đi cày ruộng. Ruộng của bác gần sát bìa rừng, trong lúc cày bác la hét và cầm roi quất vào thân trâu. Có một con cọp ngồi trong bụi

rậm gần đó trông thấy lấy làm lạ, nghĩ ngợi “Con trâu to con như thế, có hai sừng nhọn hoắt mà lại chịu cúi mình để cho con người đánh đập như vậy, thì lấy làm tức lắm”. Cọp bèn lên tiếng hỏi:

- Này trâu, tại sao mày to xác như vậy mà lại chịu để cho con người nhỏ nhắn đánh đập, thật ta chẳng hiểu ra sao cả.

Trâu trả lời:

- Con người tuy nhỏ nhắn nhưng lại khôn ngoan hơn ta, bác cọp không biết con người khôn ngoan như thế nào đâu.

Cọp bèn tìm đến người để hỏi xem:

- Này bác nông dân, trí khôn bác để ở đâu cho ta xem một chút được không?

Bác nông dân trả lời:

- Được, nhưng hôm nay trí khôn của ta để ở nhà rồi.

Cọp bèn năn nỉ:

- Bác về nhà lấy cho tôi xem một chút có được không?

Bác nông dân bật cười và bảo:

- Ông nói sao nghe dễ quá, tôi đi về nhà ở đây ông ăn thịt mất hai con trâu của tôi thì sao. Nếu ông đồng ý cho tôi cột ông lại thì tôi mới yên tâm về nhà lấy cho ông xem.

Cọp liền đồng ý cho bác nông dân cột lại vì quá tò mò muốn biết trí khôn của con người ra sao.

Bác nông dân lấy giây thừng cột chặt con cọp vào một thân cây to, rồi bác vác cây thật to đập lên đầu, lên thân cọp và nói:

- Đây, trí khôn của tao đây, mày đã biết rồi chưa.

Bây giờ cọp mới hiểu ra nhưng đã quá muộn và ngón đòn của bác nông dân đã làm cho nó gục ngã.

Đó là một bài học răn dạy những kẻ khoe khoang xem mình là hơn tất cả, thiếu gì kẻ khác khôn ngoan hơn ta”. [66]

Truyện cổ tích thể sự của người Thổ: *Trâu, cọp và trí khôn con người*:

“Ngày xưa, người ta dắt trâu ra ruộng thường lấy giây buộc vào sừng mà kéo đi. Một hôm, có con chim đậu ở bụi cây, thấy người đàn ông dẫn trâu đi như vậy mới nói rằng: “Sao lại không thọc lỗ ở mũi trâu mà dắt đi?” Người kia mới buộc trâu vào gốc cây, đâm thủng mũi trâu, xỏ dây dắt đi. Sau đó, mọi người bắt chước theo.

Một hôm, sau buổi cày, trong lúc người chủ đi uống nước, con trâu đang ăn cỏ, thì có một con cọp đến bảo trâu rằng: “Sao mày to xác như thế mà lại để cho một thằng người bé nhỏ như vậy cầm đầu và đánh đập như thế mà cứ chịu lép một bề?” Trâu mới trả lời cọp: “Tuy người nó bé nhỏ thật nhưng nó có trí khôn”. Vừa lúc ấy người đi cày trở lại, cọp bèn hỏi: “Nghe trâu nói người tuy bé nhỏ song có trí khôn, vậy trí khôn đâu, cho ta xem với”. Người đi cày đáp: “Trí khôn tao để ở nhà”. Cọp liền bảo: “Về lấy ra cho ta xem”. Người nói: “Được, nhưng tao sợ trong lúc vắng mặt, mày ăn mất trâu của tao đi, vậy mày có muốn xem thì bằng lòng để cho tao trói lại đã, rồi tao mới về lấy trí khôn ra cho xem.” Cọp bằng lòng, người đi cày mới lấy giây song buộc cọp thật kỹ vào gốc cây, đoạn lấy một chiếc gậy to phang vào đầu cọp, bảo rằng: “Trí khôn tao đây!” rồi đánh cọp cho đến chết.

Trâu thấy vậy, cười ngả nghiêng đập hàm vào đất, gãy cả hàm răng trên. Do đó, loài cọp về sau bị răn rện vết đen cháy trên mình, còn loài trâu vì cười cọp mà không có hàm răng trên nữa”. [67]

Đối chiếu các tình tiết có sự tương đồng nhau giữa hai cốt truyện:

⁶⁶ Theo: *Truyện cổ dân gian Chăm*, Trung tâm nghiên cứu văn hóa Chăm Ninh Thuận, Nguyễn Thị Thu, Thập Liên Trường, Phạm Văn Thành, NXB. Văn hóa dân tộc, 2000.

⁶⁷ Theo: *Việt Nam văn học toàn thư (thần thoại cổ tích)*, Hoàng Trọng Miên, NXB Tiếng Phương Đông, năm (?)

* Người Thổ thuộc nhóm Việt - Mường.

<i>Trí khôn của con người (Chăm)</i>	<i>Trâu, cọp và trí khôn con người (Thổ)*</i>
- mang trâu đi cày ruộng	- mang trâu đi cày ruộng
- cọp hỏi trâu: tại sao mày to xác như vậy mà lại chịu để cho con người nhỏ nhắn đánh đập, thật ta chẳng hiểu ra sao cả.	- cọp hỏi trâu: sao mày to xác như thế mà lại để cho một thằng người bé nhỏ như vậy cầm đầu và đánh đập như thế mà cứ chịu lép một bề
- con người tuy nhỏ nhưng lại khôn ngoan hơn ta	- tuy người nó bé nhỏ thật nhưng nó có trí khôn
- trí khôn bác để ở đâu cho ta xem một chút được không?	- nghe trâu nói người tuy bé nhỏ song có trí khôn, vậy trí khôn đâu cho ta xem với?
- trí khôn của tôi để ở nhà rồi	- trí không tao để ở nhà
- cọt cọt lại, về nhà lấy trí khôn	- trói cọt lại, về nhà lấy trí khôn
- vác cây thật to đập lên đầu cọp: trí khôn của tao đây.	- lấy một chiếc gậy phang vào đầu cọp: trí khôn tao đây

Truyện cổ tích “*Trí khôn của tao đây*” cũng được lưu truyền xưa nay trong người Việt miền Trung, các chi tiết có sự tương đồng nhau, điều đó cho hay rằng không chỉ văn hóa Đông Sơn giao thoa với văn hóa Sa Huỳnh mà còn là sự giao thoa nhau trong nền tảng văn hóa Đông Nam Á cổ xưa. Chính đó, trong tiến trình sinh sống cộng cư giữa các tộc người, truyện cổ dân gian có sự giao thoa nhau là quy luật tất yếu của sự phát triển.

Như vậy, qua khảo sát một vài truyện cổ tích Chăm, Việt tại miền Trung cho chúng ta biết rằng đã có sự giao thoa tiếp biến văn hoá dân gian của nhau giữa Việt – Chăm và Chăm – Việt từ rất lâu trong tiến trình lịch sử.